LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 09/9/1952, đến dự hội nghị cán bộ chuẩn bị chiến dịch Tây Bắc, Bác Hồ đã căn dặn cán bộ Ngành Cung cấp: "Lương thực, vũ khí là mồ hôi, nước mắt của đồng bào, là xương máu của bộ đội. Vì vậy, phải quý trọng nó, phải tiết kiệm ngăn nắp, phải sử dụng hợp lý". Lời dạy của Người đã trở thành phương châm chỉ đạo và khẩu hiệu hành động của cán bộ, chiến sỹ ngành Quân khí Quân đội. 75 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, mà thường xuyên, trực tiếp là Đảng ủy, Thủ trưởng Tổng cục Cung cấp; Đảng ủy, Thủ trưởng Tổng cục Kỹ thuật (nay là Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật); Đảng ủy, Thủ trưởng các đơn vị trong toàn quân; sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ của các ngành trong Quân đội; sự đùm bọc, giúp đỡ, sẻ chia của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân các địa phương; lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sỹ ngành Quân khí Quân đội luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, vượt mọi khó khăn, gian khổ xây dựng ngành Quân khí Quân đội không ngừng lớn mạnh, trưởng thành để xây đắp lên truyền thống "Tận tụy, dũng cảm; giữ gìn súng đạn; phục vụ đánh thắng".

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống, Cục Quân khí biên soạn Đề cương tuyên truyền về 75 năm truyền thống ngành Quân khí Quân đội (16/9/1951 - 16/9/2026), nhằm tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, nhân viên, chiến sỹ về chặng đường phát triển và những nét truyền thống tiêu biểu qua 75 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của ngành Quân khí Quân đội. Đồng thời củng cố niềm tin, lòng tự hào, xác định tốt trách nhiệm chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; xây dựng ngành Quân khí Quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY CỤC QUÂN KHÍ

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN 75 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH QUÂN KHÍ QUÂN ĐỘI

Phần thứ nhất
NGÀNH QUÂN KHÍ QUÂN ĐỘI - 75 NĂM XÂY DỰNG, CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH (1951 - 2026)

I. SỰ RA ĐỜI VÀ NGÀY TRUYỀN THỐNG CỦA NGÀNH QUÂN KHÍ QUÂN ĐỘI

Xuất phát từ quan điểm về phương pháp cách mạng của Đảng ta trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, với hai hình thức cơ bản là "Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang"; do đó, lực lượng cách mạng phải bao gồm "lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang". Ngay từ khi ra đời, Đảng ta đã quan tâm tới việc thành lập các tổ chức vũ trang phù hợp với quá trình phát triển của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (Tự vệ đỏ, Du kích Bắc Sơn, Du kích Ba Tơ, Cứu quốc quân, Mặt trận Việt Minh, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân). Cùng với sự phát triển của lực lượng vũ trang cách mạng, yêu cầu khách quan phải có cơ quan quân khí các cấp, để tham mưu, hướng dẫn và thực hiện nhiệm vụ bảo đảm vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Nhưng thực dân Pháp và bè lũ tay sai vẫn tiếp tục câu kết với các lực lượng phản động trong nước và quốc tế quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Để bảo vệ thành quả cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra chủ trương *"Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến"*. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào cả nước: *" Hỡi quốc dân đồng bào !... chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... chúng ta phải đứng lên ... Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc..."*

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, cả nước dấy lên phong trào tìm kiếm vũ khí; một mặt, ta tổ chức các công, binh xưởng để chế tạo, sản xuất vũ khí đạn, một mặt tổ chức đánh giặc, cướp súng giặc để trang bị cho lực lượng vũ trang của ta. Đến cuối năm 1946, lực lượng vũ trang của ta đã được trang bị gần 20 nghìn khẩu súng; 40 khẩu cối, pháo hạng nhẹ; khoảng 150 tấn đạn dược các loại. Tuy trang bị vũ khí, đạn dược còn ít ỏi nhưng đã góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang của ta lúc bấy giờ.

Do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vào những năm 1949, 1950 các Đại đoàn 308, 304, 312, 316, 351 được thành lập; chiến tranh du kích phát triển mạnh ở khắp nơi, đặt ra yêu cầu phát triển về tổ chức, biên chế và nhiệm vụ bảo đảm trang bị vũ khí, đạn dược. Ngày 11/7/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 121/SL thành lập Tổng cục Cung cấp (Sau

này là Tổng cục Hậu cần - nay là Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật) trong đó có Phòng Quân khí, đây chính là tổ chức quân khí đầu tiên của Quân đội ta[1].

Thi hành Sắc lệnh 121/SL, ngày 11/7/1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 22/12/1950, đồng chí Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp ký Thông tư số 39/TT/C, thông báo trong toàn quân về việc thành lập Phòng Quân khí trực thuộc Tổng cục Cung cấp và bổ nhiệm đồng chí Lê Đình Tạo làm Trưởng Phòng Quân khí. Phòng Quân khí đóng quân ở thôn Thẩm Vậy, xã Bình Yên thuộc Tổng Yên Thông (nay là thôn Yên Hòa 3, xã Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên). Một tháng sau, biên chế của Phòng có 20 đồng chí và chính thức đi vào hoạt động với nhiệm vụ: Theo dõi tình hình vũ khí, đạn dược của các đơn vị và các kho quân khí; nghiên cứu và đề nghị kế hoạch cung cấp và dự trữ vũ khí, đạn dược của Quân đội; phụ trách, tổ chức các kho quân khí; thực hiện việc phân phối và thu nhận vũ khí đạn dược theo kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Cung cấp; điều khiển các xưởng sửa chữa và các kíp thợ sửa chữa vũ khí[2].

Đầu năm 1951, tình hình tổ chức quân khí trong toàn quân có bước phát triển, 3 ban quân khí (Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái - Tuyên) được thành lập, trong quá trình tham gia các chiến dịch, ở các đơn vị từ Khu 5 trở ra đã hình thành và có biên chế, tổ chức quân khí: Ở cấp đại đội và tiểu đoàn có quân khí viên, ở cấp trung đoàn, tỉnh đội có tiểu ban quân khí; ở cấp đại đoàn, liên khu có ban quân khí. Đến giữa năm 1951, đã có 06 ban quân khí đại đoàn và 05 ban quân khí liên khu, các tổ chức quân khí đều thuộc biên chế của Phòng Cung cấp, Ban Cung cấp các đơn vị.

Tháng 7 năm 1951, các Ban quân khí và các kho được đặt tên gọi và tổ chức thành Trạm quân khí trực thuộc Phòng Quân khí, tất cả có 7 Trạm*: Trạm 101 ở Cao Bằng; Trạm 102, 105 ở Lạng Sơn; Trạm 103 ở Bắc Cạn; Trạm 104 ở Tuyên Quang; Trạm 201 ở Rịa, Kỳ Lão, Ninh Bình; Trạm 202 ở khu vực phố Sấu, Đi Dâu, Thanh Hoá,* ngoài ra ở Hòa Bình còn có một số kho trung chuyển; vị trí đặt kho chủ yếu là tận dụng địa thế hiểm yếu của các hang, hốc đá tự nhiên hoặc các lán dựng tạm trong rừng. Trữ lượng ở kho nhỏ từ 20 đến 30 tấn, biên chế từ 5 đến 6 người, ở kho lớn khoảng từ 200 đến 300 tấn, biên chế từ 60 đến 70 người[3].

Sau 08 tháng thành lập và hoạt động, Phòng Quân khí đã có bước phát triển nhanh chóng cả về tổ chức lực lượng và nội dung, nền nếp công tác. Do trực tiếp quản lý các ban, trạm quân khí và các xưởng sửa chữa nên quân số của Phòng Quân khí tăng lên 570 người; ngoài trưởng và phó phòng, còn có 06 bộ phận công tác: Ban Bí thư, Ban Kế hoạch, Ban Chính trị, Ban Quản lý quân khí, Ban Kiểm tra và Ban Kỹ thuật[4].

1, 2, 3, 4. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy về chấn chỉnh tổ chức, biên chế trang bị trong phạm vi toàn quân, nhằm đưa lực lượng vũ trang của ta phát triển một cách hợp lý, vững chắc trong giai đoạn mới, ngày 01/9/1951, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội Quốc gia Việt Nam ký Nghị định số 277/NĐ về việc thành lập Cục Quân khí trực thuộc Tổng cục Cung cấp, đồng chí Trần Thuỳ, Trưởng ty Quân Giới Khu 3 giữ chức Cục phó, Quyền Cục trưởng Cục Quân khí. Tổ chức biên chế của Cục Quân khí gồm: 01 Cục trưởng, 01 Cục phó; 08 phòng, ban cơ quan, với quân số toàn cơ quan là 273 người; 14 đơn vị cơ sở, gồm: 05 trạm quân khí, 04 kho lẻ, 01 xưởng sửa chữa, 01 Ban Quân khí chiến dịch (tiền phương), 01 kho trung tuyến, Phòng Quân khí liên khu 3-4 (có các trạm, xưởng trực thuộc) và 01 Công trường mộc.[5]

Được sự đồng ý của Tổng cục Cung cấp, cơ quan Cục Quân khí chọn ngày chủ nhật 16/9/1951 là ngày chính thức đi vào hoạt động. Từ đó, ngày 16 tháng 9 hằng năm được lấy làm Ngày truyền thống Cục Quân khí.

Trong dịp kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống, theo nguyện vọng của các thế hệ cán bộ, chiến sỹ ngành Quân khí, Đảng ủy, chỉ huy Cục Quân khí và Tổng cục Kỹ thuật đã đề nghị và được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký Quyết định số 1781/QĐ-BQP ngày 08/9/2001 công nhận ngày 16 tháng 9 năm 1951 là Ngày truyền thống ngành Quân khí Quân đội.

II. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH QUÂN KHÍ GIAI ĐOẠN 1951-1975

Được sự đồng ý của Thủ trưởng Tổng cục Cung cấp, đầu tháng 11 năm 1951, Cơ quan Cục Quân khí đã di chuyển về đóng quân tại Bản Tò, xã Phượng Tú, huyện Định Hóa (nay là xóm Làng Quyền, xã Lam Vĩ, tỉnh Thái Nguyên)[6].

Trong giai đoạn này, Cục Quân khí đã tập trung củng cố xây dựng cơ quan, tổ chức cơ sở ngành Quân khí: Điều chỉnh tổ chức biên chế các phòng, ban cơ quan Cục; đổi tên ban quân khí ở các liên khu thành phòng quân khí; đổi tên các trạm thành các tổng kho, sau đó lại đổi tên các tổng kho thành kho và phân kho; thành lập các ban quân khí ở các đại đoàn bộ binh, đoàn công pháo; các tiểu ban quân khí ở các tỉnh và các trung đoàn; ở cấp tiểu đoàn có 01 cán bộ quân khí, cấp đại đội có 01 quân khí viên, thành hệ thống theo ngành dọc trong toàn quân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Cuối năm 1952, Cục Quân khí đã quy hoạch 05 tổng kho với 17 kho; thu dồn 26 kho ở Việt Bắc thành 15 kho lớn; triển khai xây dựng 10 kho, xưởng quân khí cấp bộ ở khu căn cứ cách mạng và khu đồng bằng Bắc Bộ; thay thế các lán tạm và tiếp tục cải tạo các hang hầm để cất chứa vũ khí, đạn; xây dựng phòng, ban quân khí ở các cấp; huấn luyện, đào tạo được 1.195 cán bộ, nhân viên quân khí biên chế cho các đơn vị.

5, 6. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

Mặc dù còn khó khăn nhưng cán bộ, chiến sĩ, nhân viên ngành Quân khí đã nghiên cứu chế tạo, sản xuất, cải tiến một số loại vũ khí trang bị; thực hiện công tác bảo quản, giữ gìn, sửa chữa, thu hồi chiến lợi phẩm, tạo nguồn, cung cấp vũ khí, đạn dược bổ sung cho tiềm lực quân sự của Quân đội và phục vụ cho chiến đấu. Trong các chiến dịch: Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, Đông Xuân 1953 - 1954; ngành Quân khí đã bảo đảm gần 4000 tấn vũ khí, đạn dược cho các đại đoàn 312, 304, 320, 308, 325. Đặc biệt trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đã thành lập Ban Quân khí chiến dịch do đồng chí Phan Tử Lăng, Cục phó Cục Quân khí phụ trách, gồm 139 cán bộ, chiến sĩ được tăng cường thêm 487 thanh niên xung phong đi áp tải, bàn giao 1.438 tấn vũ khí trang bị tới tận đơn vị trong các chiến dịch; sau chiến dịch đã thu hồi chiến lợi phẩm của địch 1.288 tấn vũ khí, đạn dược. Song song với các nhiệm vụ trên, các đơn vị trong toàn Ngành đã thực hiện tốt nhiệm vụ di chuyển, phân tán, sơ tán 2.196,6 tấn vũ khí, đạn dược tránh địch càn quét phá hoại và trực tiếp chiến đấu bảo vệ kho tàng: Điển hình là cuộc chiến đấu đánh lui 3 đợt tấn công của 3 tiểu đoàn quân Pháp tại kho Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn) tháng 7 năm 1953. Trong trận chiến đấu này, 09 cán bộ, chiến sỹ quân khí đã anh dũng hy sinh[7].

Những thành tích của ngành Quân khí đã góp phần cùng toàn quân, toàn dân cả nước làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đồng thời đã khẳng định được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Ngành Quân khí trong hệ thống tổ chức lực lượng vũ trang Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nước ta tạm thời chia cắt thành hai miền Nam - Bắc. Theo chủ trương của cấp trên, toàn bộ vũ khí, trang bị vận chuyển từ miền Nam ra đều tập kết ở Chợ Rạng *(Thanh Chương, Nghệ An)*, sau đó chuyển về cất giữ tại hai kho 710 và 590 *(Thanh Hóa)*.

Cũng trong thời gian này, cơ quan Cục Quân khí được lệnh rời an toàn khu về Thủ đô Hà Nội *(từ 11/10/1954 đến 19/10/1954)*. Sau khi ổn định nơi ăn ở và công tác, cơ quan Cục nhanh chóng triển khai các nhiệm vụ: Tham mưu với Tổng cục Cung cấp, đề nghị Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho các liên khu tổ chức kiểm tra, rà soát toàn bộ hệ thống kho tàng, sau đó thu gom các kho nhỏ lẻ nằm ở các lán tạm, hang hốc đá, đình chùa, nhà dân ... Tiến hành tổng kiểm tra đánh giá về thực trạng số lượng, chất lượng, đồng bộ vũ khí trang bị, vật tư kỹ thuật trong toàn quân và tiến hành đăng ký, thống kê để quản lý theo sổ sách. Tổ chức lực lượng, phương tiện, để tiếp nhận 62.077 tấn VKTBKT được Liên Xô, Trung Quốc viện trợ; đồng thời lựa chọn những đồng chí có trình độ văn hóa, phẩm chất chính trị và sức khỏe tốt để cử sang Liên Xô, Trung Quốc học tập, tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn, dài hạn và tổ chức đào tạo trong nước cho 4751 đồng chí cán bộ, nhân viên quân khí trong toàn quân[8].

---

[7] Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

8, 9, 11, 12. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập I (1954-1964)

Ngày 13/01/1955, Tổng cục Cung cấp đổi tên thành Tổng cục Hậu cần; các liên khu đổi tên gọi là quân khu *(theo Sắc lệnh số 17/SL ngày 03/6/1957 của Chủ tịch Hồ Chí Minh).* Miền Bắc có 06 quân khu, gồm: Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc, Tả Ngạn, Hữu Ngạn và Quân khu 4. Theo đó, hệ thống tổ chức, biên chế của ngành Quân khí cũng có nhiều biến đổi[9].

Sau khi chấn chỉnh tổ chức, biên chế; Cục Quân khí sáp nhập với Cục Quân giới, lấy tên là Cục Quân giới *(11/1958),* đến năm 1964, Cục Quân giới gồm có: 03 Thủ trưởng Cục *(Cục trưởng và 02 Cục Phó)*; 09 phòng, ban cơ quan Cục *(Tổ chức-Kế hoạch; Chính trị; Vũ khí; Đạn dược; Khí tài; Sửa chữa; Huấn luyện và các ban: Kỹ thuật; Văn thư-Bảo mật);* 08 kho trực thuộc *(06 kho đạn, 01 kho vũ khí và 01 kho trung chuyển)*. Hệ thống cơ sở sửa chữa trong toàn ngành Quân giới thời kỳ này, gồm có: 03 nhà máy, 05 xưởng sửa chữa quân khu, 05 trạm sửa chữa cấp sư đoàn, 28 trạm sửa chữa trung đoàn, 23 trạm sửa chữa các trung đoàn pháo, 33 trạm sửa chữa tỉnh đội cùng hàng trăm tổ sửa chữa. Trường thợ sửa chữa (Hải Phòng) với lưu lượng 130 học viên.[10]

Ở mỗi kho quân khí, biên chế gồm: Ban Quản lý kho *(Ban Chủ nhiệm kho)*; ban hành chính quản trị *(khối cơ quan của kho)*; đội Bảo quản; đội Sửa chữa; đội tiêu phòng, cảnh vệ. Các nhà kho chủ yếu là nhà từ 03 đến 05 gian, cột làm bằng gỗ, mái bằng tre, nứa, lá cọ, xung quanh che bằng phên nứa có thể nâng lên, hạ xuống được. Nền nhà kho thường là bằng đất nện hoặc bằng vữa bata, được ngăn chia thành từng ô, có diện tích từ 40 đến 70m^2. Khi xếp hàng, nền nhà kho thường được trải một lớp ván sàn hoặc một lớp gỗ tròn để ngăn cách hòm với nền nhà kho.[11]

Ở các quân khu và các sư đoàn có ban quân khí thuộc phòng Hậu cần; các trung đoàn có tiểu ban quân khí; các tỉnh đội và các tiểu đoàn, đại đội có quân khí viên. Tháng 5/1963, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định nâng cấp các phòng hậu cần của các quân khu miền Bắc thành cục hậu cần, các ban quân giới thành phòng quân giới.[12]

Ở miền Nam, ngày 27/7/1961, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 được thành lập, trong cơ quan của Quân khu có Ban quân giới thuộc Phòng Hậu cần. Ở các tỉnh Tây Nguyên, các tiểu ban quân giới và các trạm quân giới trực thuộc tỉnh cũng lần lượt được thành lập (Kon Tum, Đắk Lăk Gia Lai). Đến cuối năm 1964, tổ chức quân giới ở miền Nam đã phát triển: Ở Cục Hậu cần Miền và các quân khu có phòng, ban quân giới, ở các tỉnh đều có tiểu ban quân giới phụ trách công tác quản lý, chỉ đạo các cơ sở và công tác quân giới ở cấp mình, địa phương mình. Ở các địa phương đều tổ chức được các cơ sở, các xưởng, trạm quân giới, làm nhiệm vụ tiếp nhận sự chi viện từ miền Bắc; tổ chức sửa chữa, cải tiến, sản xuất, cất giữ, dự trữ, bảo quản vũ khí trang bị cung cấp cho các lực lượng vũ trang nhân dân chiến đấu.

---

10. Lịch sử Quân giới Việt Nam thời kỳ kháng chiến cống Pháp (1945-1954)

Trước nhu cầu bức thiết của chiến trường miền Nam, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị bí mật vận chuyển vũ khí, trang bị chi viện cho chiến trường miền Nam. Cục Quân giới đã nghiên cứu, thử nghiệm các phương pháp bao gói nổi, bao gói chìm, bao gói nửa nổi nửa chìm phục vụ cho việc vận chuyển bằng đường bộ và đường thủy để chi viện cho miền Nam; đồng thời cử cán bộ vào miền Nam để hướng dẫn về phương pháp quản lý, bảo quản, tiểu tu, sửa chữa vũ khí trang bị. Đến cuối năm 1964, đã bảo đảm cho miền Nam được 174.516 khẩu súng pháo và 6.099 tấn đạn dược các loại, tăng 712% so với năm 1961.[13]

Việc bảo đảm kịp thời vũ khí trang bị cho chiến trường miền Nam của ngành Quân giới trong thời kỳ này đã góp phần quan trọng cùng quân và dân miền Nam làm nên chiến thắng Phước Thành (9/1961); Đầm Ròn (12/1962); Ấp Bắc (01/1963); Bình Giã (12/1964) và làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

Trước nguy cơ thất bại của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ", chúng ồ ạt đưa lực lượng của Mỹ và chư hầu vào tham chiến ở miền Nam, đồng thời sử dụng không quân và hải quân tiến hành chiến tranh phá hoại quy mô lớn đối với miền Bắc. Chiến tranh lan rộng ra cả hai miền *(Nam, Bắc)*; mọi hoạt động của cả nước chuyển từ thời bình sang thời chiến. Các lực lượng vũ trang phát triển nhanh chóng, nhiều đơn vị mới được thành lập, các đơn vị đều được bổ sung đủ quân số, yêu cầu bảo đảm về vũ khí trang bị tăng lên hai đến ba lần so với trước.

Theo chủ trương của cấp trên, ngành Quân giới quy hoạch lại toàn bộ hệ thống kho tàng, theo nguyên tắc phân tán, ngụy trang tốt, lợi dụng địa hình, dựa vào hang đá, tăng cường công tác bảo vệ phòng không, đồng thời tiến hành khảo sát, xây dựng và thành lập thêm một số kho để tiếp nhận vũ khí, khí tài, đạn dược của các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các đơn vị đã tập trung lực lượng và huy động 1.736 lượt người của các địa phương tham gia cải tạo được 10.275m^2 hang, hầm; sơ tán an toàn 56.110 tấn vũ khí, khí tài, đạn dược; đồng thời phối hợp với địa phương lập các trận địa để đánh trả các đợt tập kích đường không của địch. Do làm tốt công tác sơ tán phòng không, mặc dù kho tàng, vũ khí đạn là mục tiêu không quân Mỹ đánh phá, nhưng chúng ta chỉ bị thiệt hại 2,5% tổng số lượng trước khi sơ tán.[14]

Trước yêu cầu về sản xuất và bảo đảm vũ khí trang bị phục vụ chiến đấu ngày càng cấp thiết, nặng nề. Đảng ủy Tổng cục Hậu cần đã đề nghị và được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký Quyết định số 128/NĐ ngày 24/10/1966 tách Cục Quân giới thành hai cục là Cục Quân giới và Cục Quân khí trực thuộc Tổng cục Hậu cần, đồng chí Nguyễn Quang Lộc, nguyên Cục Phó Cục Quân giới được bổ nhiệm Cục trưởng Cục Quân khí.

[13.] Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập I (1954-1964)

[14] Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)

Quyết định của Bộ Quốc phòng quy định:[15]

1. Cục Quân khí có chức năng, nhiệm vụ: Là cơ quan quản lý, chỉ đạo ngành Quân khí toàn quân; tổ chức tiếp nhận, dự trữ, bảo quản, cấp phát, hướng dẫn sử dụng và quản lý vũ khí, khí tài, đạn dược trong toàn quân.

2. Đối tượng quản lý của ngành Quân khí bao gồm: Các loại đạn dược, chất nổ, lựu đạn, mìn, thủy lôi và bom của không quân; các loại vũ khí bộ binh; các loại vũ khí pháo binh, dàn hỏa tiễn, khí tài ra đa pháo binh; các loại súng, pháo, khí tài phòng không, tên lửa không đối không, máy chỉ huy, ra đa cảnh giới, dẫn đường, ra đa pháo ngắm, đèn chiếu; khí tài quang học; các loại quân cụ, vật phẩm quân khí nhóm 2 khác.

3. Về tổ chức lực lượng:

- Hệ thống ngành: Cục Quân khí trực thuộc Tổng cục Hậu cần; cấp quân khu, quân chủng, binh chủng, có các phòng quân giới thuộc cục hậu cần (có các kho quân khí); ở miền Nam, có phòng quân giới trực thuộc cục hậu cần các mặt trận; ban quân giới thuộc phòng hậu cần cấp sư đoàn; tiểu ban quân giới cấp trung đoàn, tỉnh đội; quân khí viên tiểu đoàn, đại đội, huyện đội.

- Hệ thống trạm xưởng: Các nhà máy sửa chữa thuộc Cục Quân giới; xưởng sửa chữa thuộc các quân khu, quân chủng, binh chủng; trạm sửa chữa thuộc các sư đoàn, trung đoàn, tỉnh đội; các đội sửa chữa cơ động và các trạm bảo dưỡng, sửa chữa thuộc các kho quân khí. Cục Quân giới chỉ đạo công tác sửa chữa trong toàn quân.

- Hệ thống đào tạo: Khoa Quân giới thuộc Trường Sỹ quan Hậu cần; Khoa Vũ khí thuộc Trường Đại học Kỹ thuật quân sự (nay là Học viện Kỹ thuật quân sự); các trường hậu cần thuộc các quân khu, quân chủng, binh chủng đào tạo thợ quân khí, nhân viên quân khí cho đơn vị.

- Cơ quan Cục Quân khí gồm 74 cán bộ, nhân viên, tổ chức thành 05 phòng, ban *(Phòng Tổ chức-Kế hoạch; Phòng Chính trị; Phòng Đạn dược kho tàng; Phòng Vũ khí khí tài và Ban Hành chính quản trị)*.

- Cơ sở trực thuộc Cục Quân khí, gồm 11 kho (370, 820, 46, 560, 260, 710, 150, 482, 396, 451 và 422). Sau khi có quyết định của Bộ Quốc phòng, Cục Quân khí tiếp nhận thêm 04 kho quân khí (N.58, RK, RĐ và RH) của Binh trạm 12 thuộc Cục Vận tải/Tổng cục Hậu cần với tổng trữ lượng là 3.037,4 tấn.

Theo quy định về công tác bảo mật, ngày 24/01/1967 Tổng cục Hậu cần quy định tên gọi mới của các đơn vị trực thuộc, tất cả các kho thuộc Cục Quân khí có chữ cái đứng đầu là "L" *(Kho 370 là L808; Kho 820 là L814 ...).*[16]

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên quân khí, ngày 24/3/1967, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký Quyết định số 16/QĐ-QP thành lập Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí trực thuộc Cục Quân

---

[15]Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)
16, 17, 18, 19, 20.Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)

khí. Bằng nhiều hình thức kết hợp giữa đào tạo chính quy tại các nhà trường và các quân khu, quân chủng, binh chủng: Từ năm 1965 đến năm 1968 toàn ngành Quân khí đã tổ chức huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cho 5.650 đồng chí là cán bộ, nhân viên quân khí các chuyên ngành; ngoài ra còn phối hợp với Quân khu 4, tổ chức lớp tập huấn về sử dụng các loại vũ khí phòng không cho 6.253 cán bộ xã đội và cán bộ tự vệ cấp đại đội, trung đội.[17]

Cũng trong thời gian này, Cục Quân khí đã đẩy mạnh việc chỉ đạo, biên soạn được 16.483.718 trang tài liệu, mẫu biểu quy định về nhiệm vụ, chức trách và các loại sổ tay công tác quân khí. Trong nghiên cứu khoa học, toàn ngành Quân khí đã có nhiều sáng kiến áp dụng vào thực tiễn đạt hiệu quả cao như: "Sáng kiến nghiên cứu về công tác bảo đảm quân khí cho các trận địa phòng không"; "B41 bắn hết tầm"; "Nghiên cứu rút ngắn thời gian tính của máy chỉ huy K.6"; "Nghiên cứu thông gió tự nhiên cho các kho hang quân khí" ...[18]

Do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Quân đội ta có sự phát triển nhanh về tổ chức, biên chế. Lượng vũ khí, khí tài, đạn dược của các nước Xã hội Chủ nghĩa cũng công khai viện trợ cho ta với khối lượng lớn *(416.221,4 tấn)*; cùng với nguồn vũ khí trang bị do ngành Quân giới trong nước tự sản xuất *(6.855 tấn)*. Cục Quân khí đã đề nghị tách một số phân kho và thành lập thêm các kho mới (*L680, L826),* thành lập thêm 05 phòng ở cơ quan Cục *(Phòng Vũ khí mặt đất; Phòng Vũ khí phòng không; Phòng Cần vụ kho tàng; Phòng Huấn luyện; Phòng Vật tư)*. [19]

Trong năm 1966, thành lập thêm Phòng Quân giới của Quân khu Trị - Thiên; Bộ phận tiền phương của Phòng Quân giới Quân khu 4; Xưởng Quân giới và các đội bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật thuộc Phòng Hậu cần của Đặc khu Rừng Sác; Ban Quân giới Quân khu 5 được nâng lên thành Phòng Quân giới.[20]

Để đảm bảo vũ khí, khí tài, đạn dược cho các chiến trường, ngành Quân khí đã tập trung bao gói để cấp phát cho các đơn vị, đồng thời cử các đồng chí có nhiều kinh nghiệm để biệt phái vào các binh trạm tiền phương để thống kê, quản lý số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật, đồng bộ từng loại vũ khí, khí tài, đạn dược; hướng dẫn các đơn vị sử dụng một số loại vũ khí, khí tài mới được viện trợ và giúp các binh trạm bảo quản, sửa chữa, đồng bộ trước khi cấp phát cho các đơn vị chiến đấu.

Trong 4 năm *(1965-1968)*, toàn Ngành đã cấp phát cho các đơn vị trên các chiến trường A, B, C với số lượng 189.867,3 tấn đạn dược các loại; Sửa chữa, đưa vào sử dụng 233.559 khẩu súng, pháo các loại; 18.683 máy ra đa, máy chỉ huy và khí tài quang học. Xây dựng 141.580m^2 kho, trạm.[21]

21, 22,23. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)

Với thế bố trí kho quân khí vừa có hậu phương, vừa có chiều sâu vươn tới các mục tiêu đầu não của địch, công tác quân khí đã bảo đảm cho bộ đội có đủ vũ khí, đạn dược liên tục tiến công trên nhiều hướng, góp phần: Đánh bại cuộc hành quân Van - bua - ren của Mỹ - Ngụy mùa khô 1965 - 1966 *(Phú Yên)*; cuộc càn "Cái bẫy" tháng 5/1966 ở Bắc Củ Chi; cuộc hành quân Át-tơn-Bo-rơ ở Chiến khu Dương Minh Châu - miền Đông Nam bộ *(tháng 10, 11/1966)*; cuộc tiến công mang tên Xê-đa-phôn đánh vào khu vực tam giác sắt Bến Súc-Củ Chi-Bến Cát *(01/1967)*; cuộc hành quân mang tên Gian-xơn Xi-Ty ở khu vực Chiến khu Dương Minh Châu - miền Đông Nam bộ *(tháng 02, 5/1967)*. Đồng thời bảo đảm cho lực lượng vũ trang của ta chủ động tiến công đánh địch ở tất cả các vùng, miền: Đợt hoạt động Đông Xuân trên cả ba chiến trường Quảng Nam, Bình Định và Tây Nguyên; Chiến dịch Ba Gia ở Bắc Quảng Ngãi; Chiến dịch trên địa bàn miền Đông Nam Bộ *(7/1965)*; Chiến dịch Plây Me *(11/1965)*; Chiến dịch Sa Thầy *(10/1966)*; Chiến dịch Bắc Tây Nguyên ở Kon Tum *(11/1967)*; Chiến dịch Bắc Tây Ninh *(12/1967)*; Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh *(7/1968)*. Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Giúp nước bạn Lào bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, bảo quản, khai thác sử dụng vũ khí trang bị và viện trợ cho bạn mở chiến dịch đánh địch ở Nậm Bạc *(từ tháng 11/1967 đến tháng 01/1968)*.[22]

Phối hợp với bộ đội địa phương lập các trận địa phòng không, bắn rơi 13 máy bay của địch *(Kho 710, nay là K812 bắn rơi 05 chiếc; Kho 46, nay là K802 bắn rơi 03 chiếc; Kho 370, nay là KV1 bắn rơi 02 chiếc; Kho 560, nay là K816; Kho 150, nay là KV3 và Kho 54K/Quân khu 3, mỗi kho bắn rơi 01 chiếc)*.[23]

Việc bảo đảm quân khí, cùng với quân và dân ta đánh bại chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ Nhất; đánh bại các cuộc hành quân, càn quét của địch ở chiến trường miền Nam và trên nước bạn Lào, đã làm thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Sự trưởng thành của ngành Quân khí trong giai đoạn này, đã khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và trình độ, năng lực tổ chức tiến hành công tác quân khí trong chiến tranh, sẵn sàng bảo đảm mọi nhu cầu vũ khí, khí tài, đạn dược để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội, Cục Quân khí đã đề nghị và triển khai thành lập một số kho mới *(L828 và L830 ở Quảng Bình; L832 và L838 ở Nghệ An-Hà Tĩnh; Kho 770 ở Thanh Hóa; L840 ở Cao Bằng; L836 ở Cẩm Thủy, Thanh Hóa, L834 ở Kỳ Sơn, Hòa Bình; L838 ở Nghĩa Đàn, Nghệ An)*. Từ năm 1969 đến năm 1972, ngành Quân khí đã xây dựng được 285.570m^2 kho, trạm; đã điều chuyển, dồn dịch, thu hồi được 62.754 tấn đạn dược và hàng trăm khẩu pháo các loại. Sửa chữa 266.851 khẩu súng, pháo; 20.965 máy ra đa, máy chỉ huy và khí tài quang học, In 613 tài liệu, mẫu biểu ngành với tổng số 48.068.030 trang, phát hành đến cấp trung đoàn; kiểm tra kỹ thuật 22.025 tấn; cấp phát 201.194,1 tấn; tiểu tu, bảo dưỡng 2.133 tấn đạn; phân lô thuốc phóng

đạn được 3.955 lô kết hợp. Từ năm 1969 đến năm 1972, toàn Ngành đã bao gói và chi viện cho các chiến trường Miền Nam, Lào, Campuchia 107.094 tấn vũ khí, đạn dược.[24]

Để chống lại chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ ra Miền Bắc lần thứ Hai, ngành Quân khí đã tiến hành sơ tán 78.688 tấn vũ khí, đạn dược. Với tinh thần chủ động, khẩn trương, tích cực khắc phục khó khăn, có thời điểm đã huy động *4.629 người và 132 xe vận tải*; *được Tổng cục Hậu cần và các địa phương hỗ trợ 5.081 người, 170 xe vận tải)* để di chuyển, sơ tán toàn bộ khối lượng vũ khí, đạn dược từ 84 địa điểm phân tán thành 147 địa điểm cất giữ và tổ chức thành 80 phân kho, ra vị trí an toàn. Do làm tốt công tác sơ tán phòng không, nên mặc dù bị máy bay địch đánh phá nhiều lần, rất ác liệt *(Kho 828, bị địch đánh phá 59 lần; Kho 830 bị đánh phá 15 lần, Kho 832 bị đánh phá 13 lần...)*, song số vũ khí, khí tài, đạn dược chỉ thiệt hại 0,4% số hàng sơ tán được, bằng 0,15% tổng số hàng dự trữ chiến lược.[25]

Song song với nhiệm vụ sơ tán phòng không, ngành Quân khí còn phải làm nhiệm vụ tiếp nhận, cấp phát vừa bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu bảo vệ miền Bắc, vừa bảo đảm chi viện cho chiến trường B, C, K *(chỉ trong vòng 3 tháng: 3,4,5/1972, đã cấp phát lớn hơn khối lượng trong 3 năm 1969, 1970, 1971 cộng lại)*. Đặc biệt trong đợt cao điểm 12 ngày đêm "Điện Biên Phủ trên không" (từ 18/12 đến 29/12/1972), ngành Quân khí đã bảo đảm kịp thời cho các đơn vị phòng không 38.306 viên đạn pháo các loại, với tổng trọng lượng tiêu thụ là 285,5 tấn.[26]

Công tác bảo đảm quân khí cho lực lượng vũ trang trên các chiến trường đã góp phần cùng quân và dân cả nước và các nước bạn *(Lào, Camphuchia)* đánh bại các cuộc hành quân càn quét của địch: Cuộc hành quân "Lam Sơn 719" ở khu vực đường 9, Nam Lào *(3/1971);* Chiến dịch "Toàn thắng - 1/71" của địch ở Đông Bắc Campuchia *(5/1971)* và tiến công đánh thắng địch trong: Chiến dịch Trị - Thiên, từ chiến đấu tiến công chuyển sang phản công và phòng ngự *(81 ngày đêm)*; Chiến dịch Tây Nguyên *(Kon Tum - tháng 3/1972)*; Chiến dịch "Nguyễn Huệ" *(4/1972)*; Chiến dịch tiến công Bắc Bình Định *(6/1972)*; chiến dịch tiến công Cấm Dơi - Quế Sơn *(Bắc Quân khu 5 - 8/1972)*; "Chiến dịch 139" giải phóng Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng 05 lần *(từ tháng 12/1970 đến tháng 4/1972)* và đặc biệt là chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không", đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Sau Hiệp định Pa ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/01/1973), Mỹ buộc phải rút hết quân về nước, tình hình quốc tế đối với ta có nhiều thay đổi: Hầu hết các hiệp định viện trợ đã được ký kết, đặc biệt là viện trợ về vũ khí, trang bị đều bị giảm và đi đến ngừng thực hiện, nên ta gặp khó khăn về nguồn trang bị quân khí. Bộ Quốc phòng đã ra chỉ thị cho toàn quân tiến

24, 25, 26. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)

hành tổng kiểm tra vũ khí trang bị và vật tư kỹ thuật. Đến giữa năm 1974, các đơn vị trong toàn quân đã tổ chức tổng kiểm tra, thu gom, dồn dịch và phân loại chất lượng được 75% vũ khí, khí tài, đạn dược hiện có.

Để phù hợp với sự phát triển của quân đội, ngày 10/9/1974, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 211/CP thành lập Tổng cục Kỹ thuật, theo biên chế tổ chức, ngoài các cơ quan Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Văn phòng, Phòng Tài vụ ... còn có các Cục: Quân khí, Quân giới, Quản lý xe máy. Tên gọi của Cục Quân khí được đổi là: Cục Quản lý Vũ khí, khí tài, đạn dược (Cục QLVKKTĐD). Nhiệm vụ của Cục là chỉ đạo các đơn vị về kế hoạch và kỹ thuật sửa chữa vũ khí, khí tài trong toàn quân; đảm bảo việc cung cấp vật tư, thiết bị sửa chữa; tổ chức xây dựng các xưởng, trạm sửa chữa; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên kỹ thuật trung cấp, sơ cấp; chỉ đạo công tác quản lý các trạm, xưởng sửa chữa.[27]

Thực hiện chủ trương xây dựng thế trận bảo đảm hậu cần cho chiến trường miền Nam, Cục QLVKKTĐD đã tổ chức ra 13 khung kho và 08 đội sửa chữa, bảo dưỡng vũ khí, đạn dược làm lực lượng nòng cốt; tách các phân kho, thành lập 03 kho mới (L850, L852, L854); điều chuyển Kho L816 từ Phú Thọ vào Nghĩa Đàn, Nghệ An. Hệ thống kho được thành lập nối liền giữa hậu phương miền Bắc và các căn cứ hậu cần của các chiến trường Trị - Thiên, Khu 5, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ qua hệ thống đường chiến lược, chiến dịch cả đường bộ lẫn đường biển tạo thành thế trận bảo đảm liên hoàn vững chắc.[28]

Cùng với các nhiệm vụ trên, toàn Ngành đã tổ chức bao gói chi viện cho các chiến trường *(miền Nam, Lào, Campuchia)* 104.055 tấn vũ khí, khí tài, đạn dược theo các kế hoạch đặc biệt (*khối lượng lớn nhất từ trước đến cuối năm 1974*). Các đội sửa chữa cơ động của Cục và các đơn vị đã tiến hành phân loại chất lượng, sửa chữa được 776 tấn vũ khí, đạn dược; 2.958 lượt khẩu súng, pháo các loại và 628 bộ khí tài quang học.[29]

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị về giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976 và quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975; chấp hành chỉ thị của Quân ủy Trung ương và Tổng cục Kỹ thuật. Nhằm đáp ứng kịp thời cho chiến trường, với tư tưởng chỉ đạo "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng" và khẩu hiệu "một ngày bằng 20 năm", toàn Ngành đã xuất kho bảo đảm cho chiến trường 120.052 tấn; các đơn vị thu hồi chiến lợi phẩm và đưa vào sử dụng ngay trong chiến đấu 623,8 tấn vũ khí, đạn dược; cử 923 người tham gia các tổ cơ động cùng cơ quan quân khí chiến dịch; lực lượng quân khí của toàn Ngành tiến hành kiểm tra, sửa chữa 375.336 khẩu súng, pháo các loại; 12.862 máy ra đa, máy chỉ huy và khí tài quang học.[30]

27, 28, 29. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)

[30] Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tập II (1965-1975)

Việc bảo đảm kịp thời lực lượng, vũ khí, khí tài, đạn dược của Ngành Quân khí cho các chiến dịch, đến từng trận đánh đã góp phần cùng quân, dân cả nước làm nên chiến thắng của chiến dịch giải phóng Tây Nguyên; chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

III. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH QUÂN KHÍ GIAI ĐOẠN 1975-ĐẾN NAY

1. Củng cố xây dựng ngành Quân khí, kịp thời bảo đảm cho Quân đội ta chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế giai đoạn 1975-1986

a. Củng cố, xây dựng ngành Quân khí

Sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Cục Quản lý vũ khí, khí tài, đạn dược (Cục QLVKKTĐD) và cơ quan quân khí các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng được giao nhiệm vụ tiếp quản, thu hồi vũ khí, khí tài, đạn dược ở các khu vực.

Đến hết năm 1978, toàn Ngành đã tiếp quản, thu hồi, điều chuyển được 271.515 tấn đạn dược; 652.054 khẩu súng, pháo; trên 300 tấn trang thiết bị; 144. 291 kíp nổ, mìn, lựu đạn.[31]

Để bảo đảm công tác an toàn kho tàng, đầu năm 1976, Bộ Quốc phòng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc rà soát, tháo gỡ số bom, mìn của địch hiện còn trong các khu vực kho quân khí. Đồng thời, soạn thảo "Đề án chấn chỉnh hệ thống kho tàng vũ khí, khí tài, đạn dược" và đề nghị Bộ phê chuẩn Đề án quy hoạch lại kho tàng theo hướng: Kho chiến lược của Bộ bố trí ở 7 khu vực do Cục QLVKKTĐD trực tiếp quản lý. Mỗi quân khu có từ 2 đến 4 kho, mỗi tỉnh có một kho.[32]

Trong thời gian này, tổ chức biên chế của ngành Quân khí có nhiều thay đổi: Về tổ chức cơ quan Cục, tách bộ phận quản lý trang bị ra khỏi Phòng Tổ chức kế hoạch, thành lập Phòng Quản lý trang bị; sáp nhập và thành lập thêm một số phòng, ban. Sau khi tổ chức lại, cơ quan Cục có 12 phòng, ban trực thuộc gồm: Phòng Tổ chức kế hoạch; Phòng Quản lý trang bị; Phòng Quản lý trạm xưởng; Phòng Kỹ thuật vũ khí, khí tài; Phòng Kỹ thuật đạn, Phòng Vật tư; Phòng Huấn luyện, nghiên cứu, tổng kết; Phòng Xây dựng; Phòng Chính trị; Phòng Hậu cần; Phòng Tài vụ; Ban Hành chính.

Hệ thống kho quân khí cấp chiến lược, một số tổng kho, kho và các đơn vị huấn luyện được thành lập, đồng thời chuyển một số kho của các quân khu, quân đoàn về kho trực thuộc Cục.

31, 32. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

Sau khi tổ chức lại, hệ thống kho tàng cấp chiến lược được tập trung thành từng cụm, ở các khu vực theo mô hình Tổng kho Long Bình:[33]

Khu vực Gia Lai, Kon Tum là Tổng kho 765 (TK765), gồm có 4 kho: L868, L870, L872, L874.

Khu vực Đắc Lắc là Tổng kho 766 (TK766), ở gồm có 4 kho: L864, L876, L878, L880.

Khu vực miền Đông Nam Bộ là Tổng kho 767 (TK767), gồm có 4 kho: L882, L884, L886, L888.

Khu vực Hà Sơn Bình là Tổng kho 762 (TK762), gồm 04 kho: L802, L834, L854, L850 và xưởng sửa chữa vũ khí, khí tài (nay là Xưởng X264).

Khu vực Bình Trị Thiên là Tổng kho 764 (TK764), gồm 02 kho đạn L856, L890 và kho vũ khí L892.

Khu vực Nghệ Tĩnh là Tổng kho 763 (TK763), gồm 03 kho đạn: L812, L852, L866 và kho vũ khí L816.

Thành lập thêm một số đơn vị trực thuộc Cục gồm: Các đoàn huấn luyện chiến sĩ mới, sau đó đổi tên các đoàn thành các tiểu đoàn (331, 332, 333); Đội tập huấn, trực thuộc Cục, đặt tại kho vật tư B2 cũ *(sau này thường gọi là Đội tập huấn B2)*; Trạm Khảo sát tính năng vũ khí, khí tài, đạn dược (gọi tắt là Trạm T262). Thành lập các kho khu vực chiến lược gồm: Kho KV1 trên hướng Lạng Sơn; Kho KV2 ở hướng Hoàng Liên Sơn và Hà Tuyên; Kho KV3 ở hướng Thái Nguyên, Cao Bằng; Kho KV4 ở hướng Đông Bắc.[34]

Trước yêu cầu về công tác thông tin khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ của toàn ngành Quân khí, lãnh đạo và chỉ huy Cục đã quyết định xuất bản một tờ tin nội bộ Ngành, dưới hình thức nội san lấy tên là "Quân khí" và thành lập Ban Biên tập Nội san Quân khí trực thuộc Phòng Huấn luyện.[35]

Hệ thống tổ chức ngành Quân khí trong toàn quân cũng được chấn chỉnh, kiện toàn, song tên gọi của các đơn vị vẫn chưa được thống nhất.

Quân khu 1, sau khi hợp nhất hai quân khu, Quân khu Việt Bắc và Quân khu Tây Bắc, cơ quan quân khí của hai quân khu được hợp nhất gọi là Phòng Quản lý vũ khí, khí tài, đạn dược nằm trong Cục Hậu cần, ở các sư đoàn, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, lữ đoàn và trung đoàn binh chủng có các ban vũ khí, khí tài, đạn dược trực thuộc phòng hậu cần.[36] Các cơ sở quân khí của Quân khu gồm: Kho K1, K4; xưởng sửa chữa tổng hợp, bảo đảm cho hướng Lai Châu và Sư đoàn 316 và Xưởng sửa chữa tổng hợp X79.

Quân khu 3, sau khi hợp nhất Quân khu Tả Ngạn và Quân khu Hữu Ngạn cơ quan quân khí của hai quân khu được hợp nhất gọi là Phòng Quân giới.

33, 34, 35. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

[36] Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

Hệ thống bảo đảm quân khí của Quân khu gồm có: Xưởng 2 (Hữu Ngạn), Xưởng 56 (Tả Ngạn). Hệ thống kho quân khí, chủ yếu là các kho cất chứa vũ khí, đạn dược trong các hang hầm thuộc vùng rừng núi Căn cứ 2 và Kho 76K.

Quân khu 2, được thành lập trên cơ sở tách ra từ Quân khu 1 gồm các tỉnh: Vĩnh Phú, Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn, Sơn La, Lai Châu. Tổ chức Cục Hậu cần Quân khu có Phòng Quân khí. Các sư đoàn, lữ đoàn, bộ chỉ huy quân sự tỉnh và tương đương có các ban kỹ thuật trực thuộc phòng hậu cần (trong đó có trợ lý quân khí), cấp trung đoàn trở xuống có các tiểu ban kỹ thuật hoặc cán bộ, nhân viên chuyên môn quân khí.

Quân khu 4, sau khi có quyết định thành lập Ban Quân giới thuộc Phòng Kỹ thuật, Cục Hậu cần, hệ thống sửa chữa của Quân khu có: Tiểu đoàn 2 Xưởng X41, X46. Sau khi Quân khu Trị Thiên sáp nhập với Quân khu 4, hệ thống kho, xưởng quân khí cũng được sáp nhập và duy trì hoạt động.

Quân khu 5 thành lập hai khu kho: Khu kho G4 và khu kho G5 (Đà Nẵng), đến giữa năm 1976 Quân khu 5 có 6 khu kho quân khí, cất giữ 29.308 tấn vũ khí, đạn dược, với tổng diện tích nhà kho là 27.395 m^2; có 30% là kho vòm tốt; 45% sử dụng được từ 3 đến 5 năm; 25% là kho tạm.

Quân khu 7, từ tháng 5 năm 1975, Phòng Quân giới được đổi tên thành Phòng Quân khí trực thuộc Cục Hậu cần; hệ thống xưởng sửa chữa có: 02 xưởng sửa chữa pháo OX1 và OX2; 05 xưởng sản xuất vũ khí và Trạm bảo dưỡng, sửa chữa đạn OX3.

Quân khu 9 (mới) được thành lập trên cơ sở sáp nhập Quân khu 8 và Quân khu 9 (cũ), trong tổ chức biên chế có Phòng Quân khí; các cơ sở trực thuộc phòng gồm: Tiểu đoàn kho quân khí 301 thuộc khu vực Cần Thơ; Kho đạn Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho; kho súng pháo ở Vĩnh Long. Hệ thống sửa chữa có xưởng sửa chữa tổng hợp, ở các trung đoàn binh chủng trực thuộc quân khu có trạm sửa chữa. Riêng 3 sư đoàn bộ binh *(Sư đoàn 4, Sư đoàn 8, Sư đoàn 330)* và 09 tỉnh đội đều tổ chức ban quân khí thuộc phòng hậu cần.

Đến đầu năm 1979, lực lượng kỹ thuật quân khí ở cấp quân khu, quân đoàn có phòng quân khí (quân giới), các đơn vị cơ sở kỹ thuật quân khí thuộc biên chế của các cục hậu cần. Riêng ở quân chủng (Phòng không - Không quân, Hải quân) đã có Cục Kỹ thuật (trong Cục Kỹ thuật có tổ chức cơ quan quân khí và các cơ sở quân khí); ở cấp binh chủng có phòng khí tài (ban khí tài) trực thuộc Bộ tư lệnh binh chủng; cấp sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn có các tiểu ban, bộ phận quân khí, quân giới; các đơn vị cơ sở kỹ thuật quân khí trực thuộc phòng, ban hậu cần.

Sau thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, Quân đội ta tiếp tục làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc đồng thời thực hiện nhiệm vụ quốc tế. Để bảo đảm phục vụ cho các hướng chiến lược, Tổng cục Kỹ thuật quyết định sáp nhập TK765 và TK766 lấy tên là Tổng kho

765 (TK765), cơ quan Tổng kho 765 chuyển từ Gia Lai sang Buôn Ma Thuột; các kho trực thuộc TK765 là L864, L868, L870, L858.[37]

Để tiếp nhận nguồn viện trợ và điều phối đi các hướng được thuận tiện, Cục đã báo cáo và được cấp trên nhất trí thành lập các kho trung chuyển: KTC1 tại cảng Chùa Vẽ, Hải Phòng; Kho KTC2 tại Tam Điệp, Ninh Bình; Kho KTC3 tại Đà nẵng; điều Kho L814 (820) về Quân khu 2; tiếp nhận Kho V30 từ Cục Cung ứng vật tư về Cục. Do các nước viện trợ hai loại tên lửa A72 và B72 có số lượng lớn, Tổng cục đã giao nhiệm vụ cho Cục quản lý và bảo đảm kỹ thuật tên lửa trong toàn quân; đồng thời quyết định thành lập Phòng Tên lửa trực thuộc Cục.[38]

Được sự đồng ý của Thủ trưởng Tổng cục Kỹ thuật, Cục đã khôi phục lại Xưởng X260 *(ngày 26/01/1980, Xưởng X260 giải thể)* tổ chức thành Xưởng bao bì X260 thuộc Cục. Trong thời gian này, Cục còn triển khai thực hiện một số quyết định về tổ chức lại các đơn vị: Thành lập Xưởng sửa chữa đạn pháo 75-755 *(do Liên Xô thiết kế xây dựng và viện trợ trang thiết bị. Tháng 6/1983, Xưởng được đổi tên thành X264)*. Nâng Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí thành Trường sĩ quan Kỹ thuật Vũ khí đạn. Sáp nhập Kho L886 với Kho L882 thuộc TK767; sáp nhập Kho KTC3 thành 1 phân kho của Kho L890 thuộc TK764.[39]

Ngày 24/4/1981 đồng chí Thượng tướng Lê Trọng Tấn, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký quyết định số 120/QĐQP tách Cục QLVKKTĐD thành 2 cục, Cục Quản lý vũ khí, khí tài và Cục Quản lý đạn dược (sau này gọi là Cục Vũ khí và Cục Đạn dược) trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật. Đồng thời, quyết định đổi phiên hiệu các kho thuộc 2 cục thay chữ cái đầu L bằng chữ K đứng trước số phiên hiệu, số phiên hiệu kho vẫn giữ nguyên.[40]

Tổ chức, biên chế của Cục Vũ khí gồm 11 phòng, ban cơ quan và 3 trợ lý trực thuộc. Các cơ sở gồm Kho K816, K850, K888, K680, V30, Đội Tập huấn - Lưu mẫu, cơ quan thường trực Cục ở phía Nam, Đội xe vận tải, Đội sửa chữa cứu kéo, Ban tiếp nhận và Đội xây dựng.

Tổ chức, biên chế của Cục Đạn dược gồm: 11 phòng, ban cơ quan và 3 trợ lý trực thuộc. Các cơ sở gồm: TK762, TK763, TK764, TK765, TK767, KV1, KV2, KV3, KV4, KTC1, KTC2, X260, X75-755, K822, K826, K830, T262, Đội xe vận tải, Trạm khách T800, Đội xây dựng và cơ quan thường trực Cục ở phía Nam.[41]

Sau gần 3 năm hoạt động, Cục Vũ khí và Cục Đạn dược bộc lộ nhiều bất cập. Hệ thống tổ chức, biên chế Ngành trong toàn quân không thống nhất. Công tác chỉ đạo về mặt nghiệp vụ đối với cấp dưới thường có sự chồng chéo. Vì vậy, ngày 31/12/1983, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định số 1900/QĐ-QP sáp nhập Cục Vũ khí và Cục Đạn dược thành Cục Vũ khí đạn trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật, đồng chí Đại tá Hoàng Phùng Ngọc giữ chức Cục trưởng. Cơ quan

---

37, 38, 39, 40. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

Cục có 14 phòng, ban và 02 trợ lý trực thuộc: các phòng Tham mưu, Chính trị, Kỹ thuật súng pháo, Kỹ thuật đạn, Ra đa - Tên lửa, Phòng Kho, Sửa chữa, Huấn luyện, Vật tư, Xây dựng cơ bản, Tài vụ, Hậu cần; các ban: Hành chính - Đối ngoại, Cán bộ; trợ lý pháp chế, trợ lý điều tra hình sự. Các cơ sở trực thuộc gồm: TK762, TK763, TK765, TK767, KV1, KV2, KV3, KV4, K850, K816, K888, K894, K822, K830, K826, K680, K890, K856, V30, KTC1, Ban xây dựng Kho C, X260, X264, Trạm hóa nghiệm T262, Trạm lưu mẫu vũ khí, Tiểu đoàn vận tải, 3 tiểu đoàn huấn luyện, Trường hạ sĩ quan Kỹ thuật Vũ khí đạn. Giải thể TK764, các kho K856, K890 về trực thuộc Cục.[42]

Ngay sau khi sáp nhập, lãnh đạo, chỉ huy Cục Vũ khí đạn đã nhanh chóng kiện toàn về tổ chức, biên chế, làm tốt công tác tư tưởng nội bộ để mọi người yên tâm công tác trong điều kiện mới. Đồng thời, bắt tay ngay vào việc bảo đảm vũ khí đạn cho lực lượng vũ trang chiến đấu; đẩy mạnh xây dựng, cải tạo kho tàng. Các kiểu nhà kho mái vòm, khung nhà Tiệp được xây dựng nhiều hơn. Công tác quy hoạch kho tàng cấp chiến lược, chiến dịch cũng được xúc tiến mạnh mẽ. Nhiều biện pháp phòng gian; phòng cháy, nổ; phòng xuống cấp chất lượng vũ khí đạn được triển khai đồng bộ…

b. Bảo đảm VKTBKT, đạn dược cho Quân đội ta chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc và làm nhiệm vụ quốc tế

** Bảo đảm VKTBKT trong chiến tranh biên giới Tây Nam:*

Trước hành động xâm lược ngày càng trắng trợn và tàn bạo của tập đoàn Pôn Pốt, Iêng Xa-ri ở biên giới phía Tây Nam, Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng ra lệnh cho lực lượng vũ trang của Quân khu 7, Quân khu 9, Quân đoàn 3 và Quân đoàn 4 chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Để bảo đảm VKTBKT cho các đơn vị chiến đấu ở biên giới Tây Nam, ngành Quân khí các cấp được tổ chức trong đội hình chung gồm: Sở chỉ huy hậu phương, tuyến phía trước theo sở chỉ huy chiến dịch (sở chỉ huy tiền phương); tổ chức hệ thống kho tàng dã chiến gồm: Kho hậu phương, kho trung chuyển và kho tiền phương.

Từ tháng 4/1977 đến tháng 6/1979, ngành Quân khí đã bảo đảm cho các đơn vị 155.092,49 tấn vũ khí, khí tài, đạn dược và các vật phẩm quân khí khác. Sửa chữa phục hồi 10.272 khẩu súng, pháo các loại.[43]

Trong giai đoạn này, cán bộ của ngành Quân khí các đơn vị đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật sản xuất, cải tiến nhiều loại vũ khí, khí tài phục vụ kịp thời cho các đơn vị chiếu đấu: Sản xuất thuỷ lôi loại 50kg và 100kg; cách làm ngòi nổ M16-A2 của Mỹ (bị mất ngòi nổ), cách làm đạp lôi; sản xuất, cải tạo các loại đạn cối thành mìn; cải tiến súng ĐKZ-82-K65 của Trung Quốc để bắn được

41, 42. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

đạn ĐKZ-82-Б10 của Liên Xô; nghiên cứu lắp đặt trên xe M113 súng máy phòng không 12,7mm của ta thay thế cho súng 12,7mm M50 của Mỹ…[44]

** Bảo đảm VKTBKT trong chiến tranh biên giới phía Bắc:*

Trước tình hình diễn biến ở biên giới phía Bắc ngày càng xấu đi. Ngày 8/01/1979, thực hiện chỉ thị của Thường vụ Quân ủy Trung ương về sẵn sàng chiến đấu của quân đội, các quân khu tổ chức điều chỉnh lại các căn cứ hậu cần - kỹ thuật thống nhất từ trên xuống dưới gồm có: Căn cứ phía sau và căn cứ phía trước, tạo thành một hệ thống liên hoàn và thuận tiện cho việc cung cấp vũ khí, đạn dược theo yêu cầu tác chiến của đơn vị.

Các nhà máy thuộc Tổng cục; các xưởng, kho, trạm của toàn ngành Quân khí đã tập trung bảo dưỡng, dồn lắp, sửa chữa, bổ sung đồng bộ, bao gói, đóng hòm để kịp trang bị cho bộ đội. Các đơn vị vũ trang, các địa phương phía Bắc sản xuất được gần hai vạn quả mìn vướng nổ, 170.000 quả mìn định hướng, 400.000 quả lựu đạn cùng nhiều loại phương tiện chiến đấu khác. Bên cạnh đó, còn tổ chức ra các đội kho, tổ sửa chữa, biên chế từ 18 đến 50 người đi tăng cường cho các đơn vị chiến đấu trên các hướng, sửa chữa phục hồi được 52.533 lượt khẩu pháo, cối, ĐKZ, 677 khẩu súng phòng không, 49.943 khẩu súng bộ binh, 5.624 khí tài quang học, trên 3 triệu quả lựu đạn, mìn các loại.[45]

Với sự cố gắng nỗ lực của toàn ngành Quân khí, đến ngày 16/02/1979 trên hướng chủ yếu, các sư đoàn, trung đoàn đã đạt cơ số đạn theo quy định. Hệ số kỹ thuật (Kt) trong các đơn vị chủ lực trên hướng chủ yếu đạt 0,95 đối với vũ khí bộ binh và 0,90 đối với pháo, cối; cơ số dự trữ, Quân khu 1 đạt 100%, Quân khu 2 đạt 98% so với quy định của Bộ.

Sáng ngày 17/02/1979, Trung Quốc huy động trên 60 vạn quân mở cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta từ Quảng Ninh tới Lai Châu. Sau hơn một tháng chiến đấu, lượng đạn dược tiêu thụ rất lớn *(đạn bộ binh từ 1,8 đến 2,5 cơ số; đạn chống tăng từ 2,0 đến 2,5 cơ số; đạn pháo lựu từ 3,0 đến 4,0 cơ số; đạn cối và pháo tầm xa tới 6,0 cơ số)*; do đó, ngoài số vũ khí đạn dược đã trang bị cho các đơn vị, toàn Ngành còn cấp phát bổ sung hơn 3.800 tấn vũ khí, đạn dược cho các lực lượng làm nhiệm vụ chiến đấu.[46] Cuộc chiến đấu diễn ra hết sức quyết liệt, song do có sự chuẩn bị từ trước, nên quân và dân ta đã chiến đấu anh dũng ngăn chặn cuộc tiến công của địch và gây cho chúng nhiều thiệt hại ngay từ ngày đầu trên tất cả các hướng.

Bị thất bại nặng nề, lại bị thế giới lên án, ngày 18/3/1979, đối phương buộc phải tuyên bố rút quân, song vẫn thường xuyên bắn phá gây căng thẳng ở toàn tuyến biên giới phía Bắc và gia tăng các hành động gây hấn ở Biển Đông, đến năm 1989, 1990 tình hình biên giới, biển đảo mới từng bước lắng xuống. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, ngành Quân khí đã triển khai chấn chỉnh, củng cố kho tàng hình thành thế bố trí theo các tuyến chiến đấu, các hướng chiến dịch,

---

43, 44, 45. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

chiến lược và cấp phát đầy đủ vũ khí, đạn dược cho các đơn vị chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu ở biên giới, hải đảo.

Như vậy, từ tháng 5 năm 1975 đến năm 1989, cùng với toàn quân, ngành Quân khí đã khẩn trương giải quyết những vấn đề cấp bách sau chiến tranh; chấn chỉnh, kiện toàn lại tổ chức, biên chế cơ quan quân khí các cấp; sắp xếp lại hệ thống kho tàng, trạm, xưởng; thành lập mới một số kho, tổng kho, trạm, xưởng trên cả 3 miền. Khi chiến tranh biên giới xảy ra, ngành Quân khí đã bảo đảm kịp thời cho chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến, bảo đảm đầy đủ cho yêu cầu nhiệm vụ đánh bại chiến tranh xâm lược của kẻ địch ở hai đầu đất nước, tăng cường khả năng phòng thủ ở Biển Đông và sẵn sàng đối phó với các âm mưu thủ đoạn của kẻ địch.

** Bảo đảm VKTB cho nhiệm vụ Quốc tế:*

Đối với nước bạn Campuchia: Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước các lực lượng vũ trang của ta đã viện trợ cho bạn một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược; đồng thời phối hợp với lực lượng vũ trang của bạn đánh bại nhiều cuộc càn quét, chiến dịch của địch *(Chiến dịch toàn thắng 5/1971; chiến trường Đông Bắc Campuchia năm 1974).*

Sau khi giúp Campuchia giải phóng đất nước, thoát khỏi nạn diệt chủng, ngoài lực lượng quân tình nguyện Việt Nam được lệnh rút về nước, chúng ta vẫn để lại một lực lượng để giúp quân đội Campuchia xây dựng lực lượng, truy quét tàn quân và giúp nhân dân ổn định cuộc sống. Nhiệm vụ của ngành Quân khí là bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật cho các đơn vị tình nguyện làm nhiệm vụ chiến đấu; giúp ngành Quân khí của bạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật kho tàng, trạm, xưởng, đào tạo lực lượng chuyên môn kỹ thuật. Khi các mặt trận 719, 779 và 979 được thành lập, phòng quân khí được thành lập trực thuộc cục kỹ thuật các mặt trận.[47] Với lực lượng sẵn có và lực lượng được bổ sung, từ năm 1979 đến năm 1985, ngành Quân khí đã bảo đảm cho các đơn vị tình nguyện chiến đấu trong các chiến dịch mùa khô ở Campuchia 8.463 tấn vũ khí, khí tài, đạn dược; kịp thời sửa chữa, khôi phục và đưa vào sử dụng hàng vạn lượt súng, pháo, khí tài, tiến hành kiểm tra, phân cấp bảo quản, sửa chữa vũ khí, khí tài, đạn dược; giải quyết đồng bộ súng pháo, thu hồi, xử lý đạn dược cấp 5, mở các lớp đào tạo nhân viên quân khí theo từng chuyên ngành, xây dựng các trạm, xưởng sửa chữa vũ khí, đạn dược và xây dựng nhà kho cất chưa vũ khí, khí tài, đạn dược.

Đối với nước bạn Lào: Trong hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, ta đã viện trợ cho bạn hàng nghìn tấn vũ khí, đạn dược; đồng thời phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng vũ trang của bạn mở các chiến dịch giải phóng những vùng bị địch chiếm đóng: *Chiến dịch Thượng Lào (5/1953); Chiến dịch giải phóng Nậm Thà (5/1962); Chiến dịch giải phóng Trung Lào, Bắc Lào cuối năm*

46, 47. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

1962; Chiến dịch Đường 9 Nam Lào (3/1971); Chiến dịch giải phóng Cánh đồng Chụm-Xiêng Khoảng (cuối năm 1962 và từ 12/12/1970 đến 05/4/1972).

Sau năm 1975, ngành Quân khí tiếp tục giúp bạn duy trì, bảo quản, giữ gìn an toàn số trang bị quân khí bạn gửi tại Việt Nam. Tổ chức bảo đảm kỹ thuật, bao gói xuất kho chi viện và trả hàng cho bạn với khối lượng hàng ngàn tấn mỗi năm; giúp Quân đội Lào xây dựng kho cất giữ vũ khí, đạn dược; đào tạo, huấn luyện học viên trung cấp kỹ thuật quân khí và bảo quản viên; viện trợ cho bạn: 7.500 khẩu súng, 2.250.000 viên đạn AR15; 150 khẩu súng; 7.500 viên đạn M79; 3.000 viên đạn H12; 2.760 viên đạn ĐKZ-82-Б10; 320 tấn khí tài, đạn dược; 82 tấn phụ tùng thay thế. Đồng thời cử các đoàn công tác sang giúp bạn điều chuyển, sắp xếp, quy hoạch lại hệ thống kho cất chứa VKKTĐD theo đúng kỹ thuật và quy tắc an toàn; kiểm tra kỹ thuật xác định những loại đạn dược hư hỏng, tổ chức xây dựng, lắp đặt trạm sửa chữa vũ khí, đạn dược, hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý, soạn thảo nội quy quy định của ngành, biên soạn và dịch ra tiếng Lào các bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng và các loại mẫu biểu nghiệp vụ quân khí. Năm 2020 đã tổ chức một lớp đào tạo cho cán bộ nhân viên quân khí của bạn về công tác hóa nghiệm thuốc phóng, cử chuyên gia sang giúp bạn lắp đặt và chuyển giao công nghệ trạm thí nghiệm; báo cáo Bộ hỗ trợ 13 tỷ đồng giúp bạn xây dựng một nhà kho vòm cất chứa đạn với diện tích 350 m^2.[48]

2. Xây dựng cơ quan, cơ sở kỹ thuật quân khí theo chuyên ngành, góp phần bảo đảm cho Quân đội ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược theo đường lối đổi mới của Đảng (từ 1986 đến nay)

Năm 1986, trong dịp kỷ niệm 35 năm Ngày truyền thống, Cục Vũ khí đạn đã tổ chức Hội thảo khoa học, xác định nét truyền thống tiêu biểu của Ngành, đó là: "***Tận tụy, dũng cảm, giữ gìn súng đạn, phục vụ đánh thắng***".[49] Trong dịp kỷ niệm 50 năm Ngày truyền thống; từ ngày 04 đến ngày 05 tháng 4 năm 2001, Cục Quân khí tiếp tục tổ chức Hội thảo khoa học nhằm trao đổi, xác định rõ bản chất truyền thống của Ngành. Sau khi nghiên cứu, thảo luận, các ý kiến đã thống nhất giữ nguyên truyền thống của Ngành với 12 chữ vàng "***Tận tụy, dũng cảm, giữ gìn súng đạn, phục vụ đánh thắng***", được xác định từ năm 1986. Đây là sự kết tinh nét truyền thống tiêu biểu trong quá trình xây dựng, phát triển và trưởng thành của Ngành Quân khí vừa thể hiện được tinh thần, trách nhiệm; đức tính miệt mài, tỷ mỷ, thận trọng, khoa học trong công việc của người chiến sỹ quân khí vừa phản ánh được những nét đặc trưng trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm an toàn súng pháo, khí tài đạn dược, mà lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sỹ quân khí đã dày công vun đắp.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân đội ta từng bước chấn chỉnh tổ chức lực lượng, theo hướng giảm quân số, nâng cao chất lượng về mọi mặt, Ngày 08/6/1987, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng ký quyết định số 821/QĐQP đổi tên Cục Vũ khí đạn thành Cục Vũ khí, ngày 07/11/1987, Thượng tướng

48, 49. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

Đoàn Khuê, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng ký quyết định số 1685/QĐ-QP điều Cục Vũ khí trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật về trực thuộc Bộ Quốc phòng. Về tổ chức biên chế: Ngoài các kho, trạm, xưởng trực thuộc, Cục còn trực tiếp quản lý Nhà máy Z133, Trường Sĩ quan Kỹ thuật Vũ khí đạn.[50]

Quán triệt tinh thần các nghị quyết của Đảng, chỉ thị của Bộ Quốc phòng về chấn chỉnh tổ chức hệ thống cơ quan, cơ sở bảo đảm gọn, mạnh, hợp lý, Ngành Quân khí triển khai thực hiện từng bước về tổ chức lực lượng: Từ tháng 01 năm 1989 đến tháng 12 năm 1991, Cục Vũ khí đã triển khai thực hiện các quyết định về tổ chức lực lượng gồm:

Thành lập Tổng kho 761 (TK761), khu vực Ninh Bình, Thanh Hóa gồm các kho: K894, K822, K826, cơ quan Tổng kho đặt tại Kho K894 *(đổi tên Kho KTC2 thành Kho K894)*; TK764, ở khu vực Bình Trị Thiên, gồm các kho: K856, K830, K890, KC84, cơ quan Tổng kho đặt tại K856 *(Kho KC84 do Việt Nam xây dựng để dự trữ đạn dược cho bạn Lào, triển khai từ năm 1984 đến 1989 thì hoàn thành)*; thành lập đại đội thông tin trực thuộc Cục có phiên hiệu là Đại đội 18 (C18); tiếp nhận và chuyển Trường sĩ quan Kỹ thuật Vũ khí đạn thành Trường Trung cấp Kỹ thuật Vũ khí trực thuộc Cục; thành lập Xưởng X266 thuộc TK767, đặt tại Kho K860. Thành lập Trạm kiểm định chất lượng đạn dược T263, thuộc TK767. Sáp nhập Trạm hoá nghiệm đạn dược T262 với Đội tập huấn B2 thành Trung tâm Thí nghiệm, lưu mẫu vũ khí (vẫn lấy phiên hiệu là T262). Thành lập Xưởng sửa chữa đạn X265, thuộc Tổng kho 763 (TK763). Bàn giao khu vực Phân kho K3 thuộc Kho KV4 cho Quân khu 3. Thành lập Kho K331 trên cơ sở địa điểm cũ của Tiểu đoàn 331; sáp nhập Kho K886 về Kho K882, lấy tên Kho là K882; sáp nhập Trạm thí nghiệm T263 vào Kho đạn K860; sáp nhập Đại đội vận tải C62 vào Kho K888.[51] Giải thể cơ quan TK767, chuyển các kho (K860, K882, K888 và Xưởng X266) về trực thuộc Cục, T263 về trực thuộc K860; bàn giao Phân kho K2 thuộc Kho KV2 cho Quân khu 2. Sáp nhập KTC1 với KV4, KTC3 với K890; nâng cấp Tiểu đoàn huấn luyện 334 thành Trung tâm huấn luyện 334; Tiểu đoàn vận tải 60 thành Đoàn 60.[52]

Ngày 12/02/1993, theo đề nghị của Cục Vũ khí, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 59/QĐ-QP đổi tên Cục Vũ khí thành Cục Quân khí trực thuộc Bộ Quốc phòng. Như vậy, tính từ ngày thành lập đến năm 1993, sau nhiều lần mang tên gọi khác nhau, Cục Quân khí lại trở lại với tên gọi truyền thống của mình. Theo quyết định này ngành Vũ khí toàn quân thống nhất tên gọi truyền thống là ngành Quân khí. Ngày 16/4/1993, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký quyết định số 59/QĐ-QP điều Cục Quân khí về trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật.[53]

Kể từ khi Hệ thống các nước Xã hội Chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, nguồn viện trợ vũ khí, trang bị kỹ thuật từ các nước XHCN không còn đã ảnh hưởng đến công tác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa VKTBKT.

50, 51, 53. Lịch sử Ngành Quân khí QĐNDVN (1975-2005)

Để khắc phục tình trạng xuống cấp, thiếu đồng bộ, nâng cao hệ số kỹ thuật, hệ số sử dụng của vũ khí, trang bị phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng quân đội, ngành Quân khí đã tham mưu để Tổng cục kỹ thuật nghiên cứu đề xuất với Quân ủy Trung ương và Bộ quốc phòng ban hành Chỉ thị số 216/CT-QP ngày 14/3/1995 phát động Cuộc vận động: "Quản lý, khai thác vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm" trong toàn quân với 4 mục tiêu: Quản lý tốt trang bị kỹ thuật; khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền; bảo đảm an toàn cho vũ khí, trang bị kỹ thuật; thực hành tiết kiệm.

Ngày 10/01/1998, Bộ Quốc phòng ban hành chỉ thị 50/CT-QP về việc tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa Cuộc vận động " Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn tiết kiệm và an toàn giao thông" trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đây là cuộc vận động có tính khoa học và thực tiễn cao, tạo động lực mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác kỹ thuật quân sự, đồng thời thể hiện sự tích cực của ngành Kỹ thuật Quân đội nói chung và ngành Quân khí nói riêng.[54]

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn Quốc và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị khóa VII, khóa VIII, khóa IX, khóa X, khóa XI, khóa XII, khóa XIII; Nghị Quyết Trung ương 8 (Khoá IX), Nghị quyết số 28 (Trung ương 8, khóa XI), Nghị quyết số 44 (Trung ương 8, khóa XIII) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết 382 của Đảng uỷ Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) về lãnh đạo công tác kỹ thuật trong tình hình mới; Nghị quyết số 1656 của Quân ủy Trung ương về "Lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo"; Chỉ thị 96 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công tác bảo đảm an toàn kho vũ khí đạn. Lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong toàn ngành Quân khí đã xác định rõ nội dung, chỉ tiêu, biện pháp lãnh đạo thực hiện từng nhiệm vụ trong từng giai đoạn. Gắn thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật, bảo đảm an toàn SPKTĐD với khắc phục dứt điểm những khâu yếu, mặt yếu ở từng cơ quan, đơn vị. Phát huy truyền thống "Tận tuy, dũng cảm, giữ gìn súng đạn, phục vụ đánh thắng" cán bộ, chiến sỹ, nhân viên ngành Quân khí luôn nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn, thiếu thốn, không ngừng phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Về tổ chức lực lượng: Trong giai đoạn này, sau các lần điều chỉnh biên chế tổ chức, đến nay hệ thống tổ chức của Ngành đã từng bước được kiện toàn thống nhất từ toàn quân đến đơn vị cơ sở:[55]

Cục Quân khí thuộc Tổng cục Kỹ thuật là cơ quan đầu Ngành Quân khí toàn quân. Ở các quân khu, quân đoàn, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, binh chủng và tương đương có phòng quân khí thuộc cục kỹ thuật hoặc ban quân khí thuộc phòng kỹ thuật. Ở cấp sư đoàn, vùng hải quân, lữ đoàn hải quân, vùng cảnh

---

[55] Điều lệ công tác kỹ thuật quân khí

sát biển, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương có ban quân khí thuộc phòng kỹ thuật. Ở cấp lữ đoàn, trung đoàn, ban chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã và tương đương có trợ lý quân khí thuộc phòng kỹ thuật (ban kỹ thuật). Cấp tiểu đoàn, đại đội thuộc binh chủng, hoả lực và tương đương có nhân viên quân khí hoặc quân khí viên.

Hệ thống kho quân khí: Cấp chiến lược, là các kho trực thuộc Cục Quân khí. Cấp chiến dịch, là kho thuộc các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ đội Biên phòng và tương đương. Cấp chiến thuật, là kho thuộc các sư đoàn, lữ đoàn, vùng hải quân, vùng cảnh sát biển, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương; kho thuộc các trung đoàn, ban chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã và tương đương; kho thuộc các tiểu đoàn binh chủng độc lập và tương đương; kho hoặc nơi cất giữ trang bị quân khí cấp đại đội, phường, xã và tương đương.

Cơ sở sửa chữa quân khí: Cấp chiến lược là các nhà máy, xưởng sửa chữa quân khí thuộc Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng và Cục Quân khí. Cấp chiến dịch, là xưởng sửa chữa quân khí khu vực, xưởng hoặc phân xưởng sửa chữa quân khí thuộc xưởng sửa chữa tổng hợp cấp quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, binh chủng và tương đương; đại đội sửa chữa quân khí thuộc tiểu đoàn sửa chữa tổng hợp của quân đoàn. Cấp chiến thuật, là trung đội sửa chữa quân khí thuộc đại đội sửa chữa tổng hợp của sư đoàn, lữ đoàn, vùng hải quân và tương đương; đội sửa chữa quân khí thuộc trạm sửa chữa tổng hợp của bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương; tiểu đội sửa chữa quân khí thuộc trung đội sửa chữa tổng hợp của trung đoàn và tương đương.

Cơ sở thí nghiệm, kiểm định chất lượng trang bị quân khí: Trung tâm, trạm thí nghiệm, kiểm định chất lượng trang bị quân khí thuộc Cục Quân khí. Ban, tổ hoặc nhân viên kiểm định chất lượng sản phẩm tại cơ sở sửa chữa quân khí. Tổ thí nghiệm, kiểm định chất lượng trang bị quân khí tại kho quân khí cấp chiến lược, chiến dịch. Cơ sở đào tạo, huấn luyện kỹ thuật quân khí (độc lập hoặc ở các học viện, nhà trường, trung tâm). Cơ sở nghiên cứu công tác kỹ thuật quân khí (độc lập hoặc ở các viện nghiên cứu, học viện, nhà trường, trung tâm).

Thực hiện chức năng là cơ quan đầu ngành quân khí, Cục Quân khí đã chủ động đề xuất: Sản xuất, sửa chữa, phục hồi, cải tiến, hiện đại hoá và mua sắm vũ khí, khí tài, đạn dược thế hệ mới. Đảm bảo đồng bộ, tái đồng bộ súng pháo, khí tài, đạn dược (SPKTĐD) cho các sư đoàn bộ binh đủ quân; các trung đoàn, lữ đoàn pháo phòng không, pháo mặt đất; các đơn vị đủ quân làm nhiệm vụ SSCĐ, làm nhiệm vụ ở biển, đảo, các tỉnh biên giới. Triển khai thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý, đảm bảo lượng tiêu hao đồng bộ của SPKTĐD; đổi mới phương thức bao gói sau sản xuất và sửa chữa lớn; nâng cao chất lượng sửa chữa, kiểm định chất lượng vũ khí, đạn dược ở các kho, xưởng các cấp và các trung tâm.[56]

56. Văn kiện Đại hội Đảng bộ Cục Quân khí lần thứ XIV, XVI, XVI.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đối tượng theo hướng chuyên sâu, sát với thực tế. Thực hiện tốt các đợt diễn tập; huấn luyện lực lượng dự bị động viên và kiểm tra sẵn sàng động viên. Tham gia xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện Điều lệ công tác kỹ thuật quân khí; các thông tư quy định về công tác bảo đảm kỹ thuật SPKTĐD tại đơn vị; công tác quản lý, bảo đảm kỹ thuật SPKTĐD ở biển, đảo; quy định kho súng pháo khí tài lục quân, kho đạn dược lục quân; ban hành các định mức kiểm định, thí, hóa nghiệm và sản xuất vật tư kỹ thuật; định mức bảo dưỡng, sửa chữa; định mức kiểm định súng pháo, khí tài; đề án quy hoạch hệ thống kho quân khí toàn quân; xây dựng tổ chức Cục Quân khí, Ngành Quân khí, định hướng phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên quân khí đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Nghiên cứu sản xuất cụm hãm lùi - đẩy lên của pháo mặt đất 152 mm, pháo cao xạ 37 mm, 57 mm; cải tiến súng ĐKZ82- K65 của Trung Quốc, để bắn đạn ĐKZ 82 Б10 của Liên Xô (cải biên); cải tiến đạn cao xạ 100 mm để bắn mặt đất; cải tiến tăng tầm đạn pháo phản lực БМ-21; cải tiến pháo phản lực БМ-21 theo hướng tự động hóa; tham gia đề án tích hợp pháo 105mm trên xe Ural; nghiên cứu sản xuất thành công súng cối 100 mm; sử dụng vật liệu compozít trong bảo quản đạn và thay thế chi tiết gỗ súng AK; sản xuất ống giấy bao gói đạn dược. Tiếp nhận, khai thác sử dụng có hiệu quả công nghệ: Dây chuyền sửa chữa đạn, sửa chữa vỏ ống liều hiện đại, tự động hóa; hệ thống xử lý sơn bề mặt, hệ thống nhuộm đen; xây dựng và lắp đặt hệ thống trang, thiết bị sửa chữa đạn dược tại các xưởng sửa chữa cấp chiến lược. Triển khai đánh giá chất lượng thuốc phóng bằng phương pháp áp kế; sản xuất được hầu hết các chi tiết phụ tùng thay thế kể cả các sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật cao. Thiết kế, sản xuất và cấp phát đồng bộ trang cụ mang, đeo cho bộ đội, tích hợp các tính năng mang, đeo SPKTĐD gọn nhẹ, độ bền cao, tiện dụng.[57]

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ IX, lần thứ X, lần thứ XI về xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước biện đại, trong đó một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; đến năm 2030 xây dựng Quân đội hiện đại và mục tiêu xây dựng Quân đội theo hướng tinh, gọn, mạnh, cơ động; các chủ trương của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII về xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại; xây dựng phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ gắn với xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc. Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Cục Quân khí đã tích cực tham gia xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch hệ thống kho tàng VKTBKT toàn quân (Đề án KA-10); Đề án Quy hoạch hệ thống cơ sở sửa chữa VKTBKT toàn quân đến năm 2020, tầm

66, 67,68. Văn kiện Đại hội Đảng bộ Cục Quân khí lần thứ XIV, XVI, XVI.

nhìn 2030 (Đề án 08-KT); Quy hoạch vũ khí trang bị lục quân đến năm 2025 và các năm tiếp theo; kế hoạch mua sắm, cải tiến, hiện đại hóa VKTBKT; Đề án ngân sách BĐKT cho vũ khí trang bị mua sắm, sản xuất từ năm 2001 đến nay (Đề án 324-KT); Quy hoạch hợp phần kho đạn dược cấp chiến dịch, chiến lược thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; kế hoạch mua sắm, cải tiến, hiện đại hóa VKTBKT; các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn của ngành Quân khí; các dự án bảo đảm an toàn kho tàng như hàng rào, đường tuần tra, cơ động các kho vũ khí đạn; phương án quản lý, cất giữ, bảo đảm kỹ thuật vũ khí trang bị.

Triển khai các quyết định tổ chức lại lực lượng: Giải thể cơ quan các tổng kho (761, 762, 763, 764, 767). Bàn giao: Kho K830, K832 về Quân khu 4; K858, K862 về Quân chủng Hải Quân; Trường Trung cấp Kỹ thuật Quân khí, Nhà máy Z133, Trung tâm Huấn luyện 334 về trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật…). Thành lập thêm một số kho, trung tâm mới trên các hướng chiến lược trọng điểm (K896, K897, K899, Trung tâm KĐĐD T263, T265). Tổ chức lại cơ quan hậu cần, cơ quan kỹ thuật thành cơ quan hậu cần-kỹ thuật đảm bảo tính thống nhất từ toàn quân đến đơn vị cơ sở.

Tham mưu, đề xuất bảo đảm trang bị cho các đơn vị khi thực hiện quyết định giải thể, tổ chức lại (Quân đoàn 12, Quân đoàn 34) và bảo đảm vũ khí, trang bị cho các lực lượng ở khu vực phòng thủ, khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và đưa lực lượng Quân đội chính quy về cấp xã, phường.

Đã triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà kho kiên cố hiện đại, kết hợp với đầu tư xây dựng đồng bộ khu kỹ thuật và đường tuần tra; cải tạo hang động thiên nhiên để cất giữ vũ khí đạn dược; cải tạo, nâng cấp nhà kho đạt tiêu chuẩn nhà kho quản lý theo 5 nội dung; nâng cấp các kho của các sư đoàn, lữ đoàn, tỉnh, thành phố. Tổ chức, sắp xếp lại cơ quan Cục: Từ 13 phòng, ban (07 phòng, 06 ban) xuống còn 08 phòng, ban (05 phòng và 03 ban) trực thuộc Cục. Tiếp tục triển khai các quyết định giải thể, sáp nhập, bàn giao, tổ chức lại các kho cấp chiến lược và các đơn vị trực thuộc Cục: Giải thể: Ban Quản lý dự án K899, BQLDA K896-K897; các kho KC84, V30 và d743; giải thể Kho K816, tổ chức lại thành Phân kho K816, thuộc Kho K812. Bàn giao: K852 cho Quân khu 4, K870 cho Quân đoàn 3 (nay là Quân đoàn 34), Phân kho KB/KV2 và phân kho K9/KV3 cho Tổng cục CNQP…

Thực hiện tốt công tác BĐKT cho Kế hoạch A40 và A70, A50, A80. Triển khai đồng bộ, tái đồng bộ, đồng bộ lại SPKTĐD và chương trình bổ sung, cấp đổi, thu hồi vũ khí, khí tài, đạn dược cho cho fBB đủ quân; các tỉnh biên giới Tây Nam, các đảo ven bờ, các đồn biên phòng và lực lượng dân quân tự vệ; các xã, huyện biên giới, tuyến biển và các xã trọng điểm quốc phòng nội địa; các sư đoàn bộ binh rút gọn, các lữ đoàn đặc công, các đơn vị chống khủng bố, đặc nhiệm; các đơn vị mới thành lập, trang bị hỏa lực mạnh (fBB10/QĐ34, fBB312/QĐ12); các cuộc diễn tập do Bộ Quốc phòng chỉ đạo... Cấp đổi SPKTĐD cho các đảo ven bờ, Quần đảo Trường Sa và Nhà dàn DK1. Báo cáo phê duyệt các dự án, chương trình mua sắm, sửa chữa, cải tiến, sản xuất và tiếp

nhận SPKTĐD; đề nghị loại khỏi trang bị quân sự, xử lý đạn dược cấp 5 và cấp 5 nguy hiểm bảo đảm an toàn.[58]

Tổ chức tốt công tác bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa SPKTĐD, nâng cao và duy trì hệ số kỹ thuật Kt ≥ 0,95 đối với đơn vị SSCĐ, Kt ≥ 0,85 đối với đơn vị huấn luyện. Mở rộng và duy trì năng lực phòng thí nghiệm của các Trung tâm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 và tiêu chuẩn TCVN/QS 877:2014. Hoàn thành Đề án nâng cao năng lực sản xuất vật tư kỹ thuật tại Xưởng X260; từng bước thực hiện cơ giới hóa trong vận chuyển, bốc xếp, phòng chống cháy nổ, đảm bảo cho nhà kho chiến lược đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Củng cố, nâng cấp, hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật, quy trình công nghệ cho các trạm, xưởng sửa chữa SPKTĐD. Ứng dụng công nghệ mới để sửa chữa theo hướng hiện đại tại các trạm, xưởng sửa chữa cấp chiến lược, cấp chiến dịch và cấp chiến thuật trong toàn Ngành.[59] Triển khai mô hình quản lý 5S tại các trạm, xưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tổ chức các lớp tập huấn toàn quân, kết hợp với tổ chức các Hội thi: Thợ sửa chữa súng pháo giỏi toàn quân (2001); Trưởng Ban Quân khí, Trưởng Ban Kỹ thuật kho quân khí giỏi toàn quân (2011); Nhà kho quân khí tốt, Chủ nhiệm kho quân khí giỏi toàn quân (2014) Thợ sửa chữa đạn, thợ sửa chữa súng bộ binh giỏi toàn quân (2016); Thủ kho quân khí giỏi toàn quân (2009, 2019); Tham gia Hội thao Quân sự Quốc tế Army Games -2021; Hội thi Thợ sửa chữa quân khí giỏi toàn quân (2024); Hội thi Trợ lý, thủ kho quân khí giỏi toàn quân năm 2026 và tham gia các cuộc diễn tập, hội thi, hội thao do cấp trên tổ chức.[60]

Tích cực nghiên cứu sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ khoa học trong công tác chuyên môn kỹ thuật. Triển khai thực hiện Dự án Hệ thống camera giám sát hỗ trợ công tác canh phòng tại các kho vũ khí, đạn cấp chiến lược; triển khai xây dựng mô hình điểm sở chỉ huy và Nhà kho ứng dụng công nghệ mới tại Kho KV1; nghiên cứu, ứng dụng, mua sắm và chuyển giao công nghệ bảo vệ bề mặt chi tiết kim loại vũ khí bằng công nghệ defric của Nhật Bản; nghiên cứu đổi mới phương thức bao gói vũ khí, đạn trong môi trường biển đảo theo hướng giảm thiểu rác thải nhựa, thuận tiện cho sử dụng trong SSCĐ.

Triển khai thực hiện 131 đề tài và nhiệm vụ khoa học và Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở các đơn vị, nhiều Đề tài nhiệm vụ tiêu biểu như. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bộ điều khiển và làm chủ phần mềm PLC-i843, thiết bị áp kế LAVA dùng trong kiểm định đạn dược; dưỡng kiểm tra kỹ thuật pháo cao xạ 23mm 3Y-23, súng chống tăng 73 mm SPG-9, súng phóng lựu 40 mm M79; Quy trình sửa chữa đạn pháo lắp chặt, xác định tuổi thọ thuốc phóng đạn ĐKZ-82-Б10, thuốc phóng đạn 14,5mm; hệ thống xì thuốc nổ; hệ thống xử lý khí thải, nước thải (tại X264); nghiên cứu sản xuất chế thử thiết bị bốc xếp để giảm nhẹ sức lao động của nhân viên; thực nghiệm nghiên cứu các phương pháp

---

69, 70, 71, 72. Văn kiện Đại hội Đảng bộ Cục Quân khí lần thứ XIV, XVI, XVI.

bảo quản niêm cất, che đậy bằng vật liệu mới như nhà bảo quản, túi hút ẩm, mỡ chịu mặn... Từ năm 2010 đến năm 2025, chỉ tính riêng trong Cục Quân khí đã có 1.558 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công nhận ở các cấp; trong đó 160 công trình, đề tài đạt giải Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội.[61]

Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Ngành; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý VKKTĐD; tham gia xây dựng quy hoạch, tổ chức lực lượng ngành Quân khí và công tác quản lý VKKTĐD, nhất là của các đơn vị sáp nhập, giải thể theo quyết định của Bộ Quốc phòng. Biên soạn, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác kỹ thuật quân khí; hướng dẫn thực hiện Điều lệ Công tác kỹ thuật các chuyên ngành súng pháo, đạn dược, vũ khí dưới nước; sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn phân cấp chất lượng đạn dược lục quân và súng bộ binh; tiêu chuẩn nhà kho đạn dược cấp chiến lược, chiến dịch; tiêu chuẩn phân cấp chất lượng Vũ khí dưới nước và Thông tư của BQP về định mức, chi phí xử lý bom mìn, đạn dược. Tham gia xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Xây dựng và ban hành các bộ định mức chi phí trong công tác bảo đảm kỹ thuật.

Hằng năm, thực hiện nghiêm túc công tác xây dựng kế hoạch, huấn luyện dự bị động viên, kiểm tra sẵn sàng động viên và kế hoạch đặt hàng, sản xuất VKKTĐD theo chỉ tiêu động viên của Bộ Quốc phòng.[62]

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh *"Lương thực, vũ khí là mồ hôi, nước mắt của đồng bào, là xương máu của bộ đội. Vì vậy, phải quý trọng nó, phải tiết kiệm, ngăn nắp, phải xử dụng hợp lý".* Các cơ quan, đơn vị trong ngành Quân khí đã thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua "Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy", phát huy tiềm năng, thế mạnh tại chỗ đẩy mạnh tăng gia, sản xuất cải thiện đời sống của bộ đội.

Bảy mươi lăm năm qua, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ của ngành Quân khí đã không ngừng phấn đấu, hy sinh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, xây đắp và tô thắm thêm truyền thống *"Tận tụy, dũng cảm, giữ gìn súng đạn, phục vụ đánh thắng".* Thành tích và truyền thống vẻ vang của ngành Quân khí trong 75 năm qua luôn gắn liền với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; Đảng ủy, Thủ trưởng và các cơ quan của Tổng cục Cung cấp (Tổng cục Hậu cần); Tổng cục Kỹ thuật; Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật; sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Quân đội; sự thương yêu, đùm bọc, sẻ chia của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân các địa phương. Tất cả đã tạo nên một nguồn lực mạnh mẽ, cổ vũ và tiếp sức cho lớp lớp cán bộ, chiến sỹ ngành Quân khí nỗ lực phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của chặng đường đã qua và phấn khởi, tự tin vững bước trong chặng đường hôm nay và mai sau.

Phần thứ hai

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG XÂY DỰNG NGÀNH QUÂN KHÍ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Những năm tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi công tác kỹ thuật quân khí phải không ngừng đổi mới, phát triển đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Phát huy truyền thống 75 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, thế hệ cán bộ, nhân viên, chiến sỹ ngành Quân khí hôm nay, phấn đấu thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ sau:

Một là, Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các quyết sách chiến lược về phát triển đất nước và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về "2 kiên định, 2 đẩy mạnh, 2 ngăn ngừa"và phương châm "5 vững" tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên quân khí có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức, năng lực toàn diện; có trình độ tổ chức và thực hiện công tác kỹ thuật quân khí chuyên sâu; làm cơ sở để xây dựng cơ quan, cơ sở quân khí các cấp vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu", xây dựng ngành Quân khí chính quy, tinh, gọn, mạnh, thống nhất và đồng bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hai là, làm tốt chức năng tham mưu với Đảng ủy, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật; Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 1656 của Quân ủy Trung ương về "lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo"; Tập trung sản xuất chi tiết thay thế phục vụ công tác bảo đảm kỹ thuật cho súng pháo, khí tài trong trang bị. Phấn đấu đến năm 2030 nghiên cứu, sản xuất được 100% các loại đồng bộ chi tiết thay thế cho các loại VKBB, trên 80% đồng bộ chi tiết các loại pháo hiện có trong quy hoạch trang bị.

Ba là, Tham mưu với cấp trên tăng cường công tác sản xuất mới và sửa chữa đạn dược có tuổi thuốc phóng quá thời hạn bảo quản để nâng cao tỷ lệ sẵn sàng cấp phát tại các kho cấp chiến lược; bảo đảm cho các đơn vị SSCĐ, cứu hộ, cứu nạn duy trì hệ số kỹ thuật (Kt) bằng 1,0; các đơn vị huấn luyện chiến đấu (Kt) đạt từ 0,95 đến 1,0, các đơn vị hoạt động thường xuyên (Kt) đạt từ 0,9 đến 0,95; bảo đảm an toàn kho tàng, đạn dược.

Bốn là, Hoàn thành 100% Kế hoạch Đề án KA-10; bảo đảm 100% VKTB có nhà che đúng tiêu chuẩn; kho tàng có đủ hệ thống PCCN theo quy định; 50% nhà kho VKĐ được xây dựng, quản lý theo mô hình nhà kho ứng dụng công nghệ cao. Triển khai nâng cấp các dây chuyền bảo dưỡng, sửa chữa tại các trạm, xưởng BD-SC mới được đầu tư xây dựng theo hướng tự động hóa và tổ chức thực hiện bảo đảm môi trường làm việc theo tiêu chuẩn 5S tại 100% trạm BD-SC, xưởng sửa chữa VKKTĐD; 100% các xưởng kho vũ khí thuộc Cục được đầu tư lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ bảo quản VKTB bằng công nghệ Defric. Triển khai Dự án di chuyển Trung tâm Thí nghiệm-Lưu mẫu, Dự án

Nâng cao năng lực kiểm định SPKTĐD của các Trung tâm kiểm định và các dự án trong kế hoạch trung hạn 2026-2030.

Năm là, tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng huấn luyện theo Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo; coi trọng huấn luyện đồng bộ, chuyên sâu, huấn luyện làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật mới sát với đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ; gắn huấn luyện với rèn luyện và tổ chức, tham gia hội thi, hội thao ở các cấp, nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

Sáu là, thực hiện có chất lượng, hiệu quả công tác khoa học quân sự, thông tin khoa học kỹ thuật quân sự; triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 3488-NQ/QUTW của QUTW, Kế hoạch số 95-KH/ĐU của Đảng ủy Tổng cục Hậu cần-Kỹ thuật về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức về công tác hành chính quân sự; kiểm soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tích cực đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên quân khí có trình độ, năng lực để ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bảy là, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Phong trào Thi đua "Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy", thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung lượng vật chất hậu cần dự trữ SSCĐ theo quy định. Bảo đảm đúng, đủ tiêu chuẩn hậu cần, định lượng ăn, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch, bệnh. Đầu tư xây dựng đúng quy hoạch, kế hoạch, dự án được phê duyệt, bảo đảm chất lượng, tiến độ. Chấp hành nghiêm quy định về quản lý, sử dụng đất quốc phòng, đất quốc phòng kết hợp hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế. Chấp hành nghiêm quy định của pháp luật Nhà nước, BQP về công tác kế hoạch và đầu tư, tài chính. Triển khai hiệu quả các kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, bảo đảm kịp thời kinh phí cho các nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án quan trọng.

Tám là, chấp hành nghiêm Pháp lệnh dự bị động viên; phối hợp với cơ quan quân sự địa phương xây dựng hoàn chỉnh hệ thống văn kiện về công tác động viên theo quy định. Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch và triển khai huấn luyện dự bị động viên; hoàn thành 100% kế hoạch đặt hàng sản xuất SPKTĐD theo kế hoạch động viên được giao.

Phần thứ Ba
NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA NGÀNH QUÂN KHÍ QUÂN ĐỘI

Trải qua 75 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Cục Quân khí và 568 lượt tập thể, cá nhân thuộc ngành Quân khí đã được Đảng, Nhà nước khen thưởng. Do số lượng nhiều, dung lượng lớn (20 trang A4); trong phạm vi Đề cương chỉ nêu các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Cục Quân khí và danh sách 30 lượt tập thể, cá nhân của ngành Quân khí được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, cụ thể như sau:

I. CỤC QUÂN KHÍ

- Danh hiệu Anh hùng LLVTND thời kỳ chống Mỹ, cứu nước năm 2006.
- Huân chương Sao vàng năm 2011.
- Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001.
- Huân chương Quân công hạng Nhất năm 1984 và 2006.
- Huân chương Quân công hạng Nhì năm 1996.
- Huân chương Quân công hạng Ba năm 2020.
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 2005.
- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì năm 2005, 2010 và 2016.
- Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba năm 2009.
- Huân chương Chiến công hạng Nhất năm 1993.
- Huân chương Chiến công hạng Nhì năm 1982 và 2005.
- Huân chương Chiến công hạng Ba năm 1969 và năm 2000.
- Bằng khen của Chính phủ năm 2015 và 2019.
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2000, 2001, 2004, 2005 và 2009, 2024.
- Cờ Thi đua của Bộ Quốc phòng năm 2005, 2016, 2020, 2023, 2025.
- Huân chương Anh dũng hạng Nhì của Nhà nước Lào năm 2018.

II. 30 LƯỢT TẬP THỂ, CÁ NHÂN NGÀNH QUÂN KHÍ ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN, ANH HÙNG LAO ĐỘNG

1. Tập thể

TT	TẬP THỂ ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG	THỜI GIAN TUYÊN DƯƠNG
I	**Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**	
1	Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	17/3/2006
2	Phân xưởng A4, Xí nghiệp 1, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Năm 1969
3	Phân kho 8A - K370 (nay là KV1), Cục Quân khí	Năm 1973

TT	TẬP THỂ ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG	THỜI GIAN TUYÊN DƯƠNG
4	Xưởng 201/Cục Kỹ thuật, Quân khu 9	Năm 1976
5	Phân xưởng A7, Xí nghiệp 2, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Năm 1985
6	Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Năm 1989
7	Xí nghiệp Tổng lắp vũ khí, Nhà máy Z131, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Năm 1994
8	Kho K802, Cục Quân khí	30/8/1995
9	Kho KV1, Cục Quân khí	08/09/2000
10	Nhà máy Z133, Cục Quân khí	12/12/2000
11	Xưởng 41/Cục Kỹ thuật, Quân khu 4	01/02/2002
12	Kho K870/TK765, Cục Quân khí	22/12/2004
13	Viện Vũ khí, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng**,** *được tuyên dương 02 lần*	22/3/2007 và 26/4/2018
14	Kho K822, Cục Quân khí	30/5/2009
15	Kho K812, Cục Quân khí	21/12/2009
16	Phòng Quân khí, Cục Kỹ thuật, Quân khu 7	22/02/2010
17	Nhà máy Z131, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	16/12/2014
18	Kho K22, Cục Kỹ thuật, Quân khu 3	16/12/2014
19	Nhà máy Z115, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, *được tuyên dương 02 lần*	18/12/2014 và 26/4/2018
20	Kho K76, Cục Kỹ thuật, Quân khu 3	15/9/2020
II	**Anh hùng Lao động**	
1	Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Năm 2004
2	Công ty TNHH MTV Cơ khí 17, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	21/12/2005
3	Nhà máy Z131, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	30/5/2012

2. Cá nhân

TT	HỌ VÀ TÊN	CẤP BẬC, CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ	THỜI GIAN TUYÊN DƯƠNG
I	**Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**			
1	Tô Văn Đực	Trung tá	Tổ vũ khí, Quân khu 7	Năm 1967
2	Lê Thị Cửu	CNVQP	Phân xưởng A4, Xí nghiệp 1, Nhà máy Z121, Tổng cục CNQP	Năm 1973
3	Phạm Văn Cán		Đoàn M26 - Tăng thiết giáp, Quân khu 7	Năm 1976
4	Nguyễn Văn Huệ (Tức Nguyễn Văn Bông)	Thượng uý Trưởng ban Quân khí	Phòng Hậu cần, BCHQS tỉnh Đồng Nai, Quân khu 7	06/11/1978
5	Nguyễn Thanh Vọng	Đại úy (Sau này là Đại tá Phó trưởng Phòng Quân khí)	Cục Kỹ thuật, Quân khu 7	06/11/1978
6	Nguyễn Cao Hưởng	Thượng úy	Xưởng Quân giới, Cục Hậu cần Miền (nay là Quân khu 7)	Năm 1978
7	Đặng Văn Dầy	Thiếu uý Đại đội trưởng	Kho quân giới, Cục Hậu cần, Quân khu 9	06/11/1978
8	Nguyễn Văn Vượng	CNVQP	Phân xưởng A7, Xí nghiệp 2, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Năm 1985
II	**Anh hùng Lao động**			
1	Vũ Viết Hoà	Bảo quản viên *(sau này là trung tá, Chủ nhiệm Kho KV2)*	Kho K820 (nay là Kho KV2) Cục Quân khí	04/5/1962

Ngoài ra còn có 568 lượt tập thể, cá nhân của ngành Quân khí được Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Quân công; Huân chương Độc lập; Huân chương Lao động; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc; Huân chương Chiến công các hạng; Giải thưởng Hồ Chí Minh; danh hiệu cấp nhà nước; Cờ thi của của Chủ tịch nước; Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ và nhiều danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong phong trào Thi đua Quyết thắng và trong thực hiện các nhiệm vụ.

Phần thứ Tư

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CỤC TRƯỞNG - TRƯỞNG NGÀNH QUÂN KHÍ QUA CÁC THỜI KỲ

1. Đồng chí Trần Thuỳ - Quyền Cục trưởng: 9/1951 - 10/1952

2. Đồng chí Phan Tử Lăng - Quyền Cục trưởng: 11/1952 - 10/1953

3. Đồng chí Nguyễn Văn Nam - Cục trưởng: 10/1953 - 9/1960

4. Đồng chí Nguyễn Duy Thái - Cục trưởng: 9/1960 - 4/1966

5. Đồng chí Nguyễn Quang Lộc - Cục trưởng: 4/1966 - 9/1974

6. Đại tá Ưng Quốc Tuynh - Quyền Cục trưởng: 10/1974 - 02/1979. Cục trưởng 3/1979 - 12/1979

7. Đồng chí Nguyễn Văn Dương - Quyền Cục trưởng: 12/1979 - 11/1980

8. Thượng tá Hoàng Phùng Ngọc: Quyền Cục trưởng: 11/1980 - 3/1981. Cục trưởng: 3/1984 - 9/1986

9. Đại tá Nguyễn Văn Ký - Quyền Cục trưởng: (4/1981 - 02/1984); (10/1986 - 11/1987); (6/1989 - 8/1989)

10. Thiếu tướng Lương Hữu Sắt - Cục trưởng: 11/1987 - 6/1989

11. Đại tá Đỗ Đức Pháp - Cục trưởng 02/1990 - 12/1994

12. Đại tá Đinh Danh Nghiêm - Cục trưởng 6/1995 - 11/2000

13. Thiếu tướng Nguyễn Minh Đức - Cục trưởng: 12/2000 - 12/2007

14. Thiếu tướng Lê Quý Đạm - Cục trưởng: 12/2007 - 4/2012

15. Thiếu tướng Trần Trọng Tuấn - Cục trưởng: 5/2012 - 11/2019

16. Thiếu tướng Hoàng Đạo Nhật Yên - Cục trưởng: 12/2019 - nay

Phần thứ Năm

DANH SÁCH CÁC LIỆT SĨ CỦA CỤC QUÂN KHÍ

Để cung cấp đúng, đủ, kịp thời, chính xác vũ khí, khí tài, đạn dược phục vụ cho huấn luyện, chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế và thực hiện nhiệm vụ bảo đảm kỹ thuật quân khí để dự trữ sẵn sàng chiến đấu, các thế hệ cán bộ, chiến sỹ quân khí đã ngày đêm tận tuỵ, dũng cảm, thầm lặng lao động với tất cả sức lực, trí tuệ bên kho tàng, trạm xưởng, nơi hang sâu rừng thẳm, bám sát hoạt động của bộ đội trên các chiến trường... không ít đồng chí, đồng đội đã hy sinh góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và bảo đảm vũ khí, khí tài, đạn dược cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Do nhiều lý do, chưa thống kê đầy đủ danh sách liệt sĩ của toàn ngành Quân khí. Trong Đề cương, chỉ thống kê danh sách các đồng chí là liệt sĩ thuộc các cơ quan, đơn vị trong Cục Quân khí, cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
1	Phạm Khánh 1931 Phố Hàng Cót, Hà Nội	4.1948	3/, Trợ lý Quang học	Cục Quân khí 18.01.1967
2	Quách Công Hồng 1946 Hợp Thanh, Lương Sơn, Hòa Bình	02.1968	Thanh niên Ba sẵn sàng	Kho K46/CQK (Nay là K802) 11.11.1968
3	Trần Ngọc Lân 1947 Anh Dưỡng, Tiên Lữ, Hưng Yên	4.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
4	Nguyễn Khắc Nghĩa 1949 Hồng Thái, An Lão, Hải Phòng	9.1966	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 29.12.1968
5	Trần Đình Kha 1944 Yên Xá, Ý Yên, Nam Hà	5.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
6	Nguyễn Văn Chung 1942 Đô Lương, Đoan Hùng, Phú Thọ	4.1962	Trung sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
7	Nguyễn Tiến Đức 1944 Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	4.1962	Trung sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
8	Hà Văn Tỵ 1945 Tam Thanh, Thanh Sơn, Phú Thọ	5.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
9	Diệp Văn Uẩn 1946 Yên Bình, Hữu Lũng, Lạng Sơn	4.1962	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
10	Lê Ngọc Chi 1944 Cát Chủ, Cẩm Khê, Phú Thọ	5.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
11	Trần Văn Lực	6.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	1936 Tuy Lộc, Cẩm Khê, Phú Thọ			(nay là Kho KV1) 27.12.1968
12	Hà Xuân Sang 1944 Khả Cửu, Thanh Sơn, Phú Thọ	5.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
13	Dương Tiến Xây 1947 Quyết Thắng, Hữu Lũng, Lạng Sơn	02.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
14	Nguyễn Công An 1942 Tuy Lộc, Cẩm Khê, Phú Thọ	12.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
15	Đỗ Ngọc Quý 1946 Thanh Khoán, Cẩm Khê, Phú Thọ	12.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
16	Nông Thị Bích Sánh 1950 Nhân Lý, Chi Lăng, Lạng Sơn	7.1966	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
17	Lộc Thị Luyến 1950 Hữu Khánh, Lục Bình, Lạng Sơn	7.1966	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
18	Nông Thị Viên 1951 Minh Tiến, Hữu Lũng, Lạng Sơn	12.1967	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
19	Nguyễn Thị Minh 1951 Minh Sơn, Hữu Lũng, Lạng Sơn	12.1967	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
20	Lê Thị Thắng 1950 Minh Sơn, Hữu Lũng, Lạng Sơn	12.1967	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
21	Lê Thị Hồng Phăn 1950 Ân Xá, Lệ Thủy, Quảng Bình TT Mẹt, Hữu Lũng, Lạng Sơn	12.1967	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 370/CQK (nay là Kho KV1) 27.12.1968
22	Lê Văn Thận 1946 Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An	02.1965	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 828/CQK 16.9.1969
23	Phạm Tiến Thuần 1942 Văn Lang, Hạ Hòa, Phú Thọ	02.1968	Thượng sỹ, Chiến sỹ	Kho 832/CQK 21.3.1971
24	Nguyễn Văn Dưỡng 1939 Tập Đoàn, Phù Ninh, Phú Thọ	4.1962	Thượng sỹ, Chiến sỹ	Kho 828/CQK 06.01.1972
25	Cao Sỹ Khuân 1948 Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An	7.1967	Trung sỹ, Chiến sỹ	Kho 828/CQK 06.01.1972
26	Đậu Văn Nhộng	11.1964	Trung sỹ, Chiến sỹ	Kho 830/CQK

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	1945 Cảnh Dương, Quảng Trạch, Quảng Bình			14.4.1972
27	Vũ Quang Thành 1953 Đinh Tiến, Yên Định, Thanh hóa	8.1971	Binh Nhì, Chiến sỹ	Kho 830/CQK 13.5.1972
28	Giang Văn Tú 1947 Thái Thượng, Thái Thụy, Thái Bình	02.1966	Trung sĩ	Kho V30 22.6.1972
29	Dương Văn Hạnh 1948 Trấn Yên, Bắc Sơn, Lạng Sơn	3. 1968	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 830/CQK 29.6.1972
30	Nguyễn Văn Bẩy 1940 Yên Đinh, Yên Thọ, Thanh Hóa	8. 1971	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 830/CQK 30.6.1972
31	Nguyễn Văn Giang 1938 An ấp, Quỳnh Phụ, Thái Bình	9.1965	Thượng sỹ, Chiến sỹ	Kho 832/CQK 05.7.1972
32	Nguyễn Khắc Ngữ 1945 Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	5.1965	Trung sỹ, Chiến sỹ	D1713/CQK 21.8.1972
33	Phương Văn Cách 1945 Xuân La, Từ Liêm, Hà Nội Tổ 6 khu sơ tán, Nông Tiến, Tuyên Quang	4.1968	Hạ sỹ, Chiến sỹ	Kho 828/CQK 10.9.1972
34	Lê Văn Lô 1934 Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	01.1968	Trung sỹ, Chiến sỹ	Kho 832/CQK 11.10.1972
35	Lê Văn Phẩm 1954 Hương Lĩnh, Hương Khê, Hà Tĩnh	5.1971	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 832/CQK 05.11.1972
36	Nguyễn Đình Tương 1951 Hương Đô, Hương Khê, Hà Tĩnh	7.1971	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 832/CQK 05.11.1972
37	Nguyễn Đức Mai 1930 Việt Hùng, Quế Võ, Bắc Ninh	12.1959 4.1965	Chuẩn uý, Tiểu đội trưởng	Kho 832/CQK 05.11.1972
38	Phạm Đình Trường 1941 Thạch Xuân, Thạch Hà, Hà Tĩnh	3.1959	Thượng sỹ, Chiến sỹ	Kho 832/CQK 05.11.1972
39	Nguyễn Văn Dưỡng 1939 Tập Đoàn, Phù Ninh, Vĩnh Phúc	4.1962	Thượng sĩ	Kho 828/CQK 06.01.1973
40	Nguyễn Thị Hồng 1954 Cầu giáp, Quỳnh Lưu, Nghệ An	5.1972	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 838/CQK (Nay là K866) 09.01.1973
41	Vũ Thị Lợi	5.1972	Binh Nhất, Chiến	Kho 838/CQK

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	1955 Ngọc Sơn, Quỳnh Lưu, Nghệ An		sỹ	(Nay là K866) 09.01.1973
42	Hoàng Thị Xân 1954 Quỳnh Thạch, Quỳnh Lưu, Nghệ An	5.1972	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 838/CQK (Nay là K866) 09.01.1973
43	Nguyễn Thị Lộc 1954 Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An	5.1972	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho 838/CQK (Nay là K866) 09.01.1973
44	Nguyễn Đồng Thiếp 1936 Thụy Hà, Thái Thụy, Thái Bình	NN:01.1953 XN: 8.1958 TN:6.1965	Thiếu uý, Đại đội phó	D1713/CQK 09.01.1973
45	Cao Bá Ưng 1954 Trung ý, Nông Cống, Thanh Hóa	1972	Hạ sĩ, Lái xe	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
46	Phạm Thị Lâm 05.5.1955 Thiệu Vân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	8.1974	Binh Nhì, Chiến sỹ	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
47	Nguyễn Thị Bào 25.10.1955 Thiệu Chính, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	8.1974	Binh Nhì, Chiến sỹ	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
48	Võ Thị Sẫm 12.9.1955 Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ An	1972	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
49	Bùi Thị Lai 09.8.1955 Thiệu Vân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	8.1974	Binh Nhì, Chiến sỹ	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
50	Lương Thị Khang 05.5.1954 Hải Hưng, Hải Hậu, Nam Định	5.1972	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
51	Bùi Cao Thế 20.10.1954 Đông Tân, Đông Sơn, Thanh Hóa	8.1973	Binh Nhất, Chiến sỹ	Kho K710/CQK (Nay là K812) 14.9.1974
52	Vũ Tiến Long 1952 Tràng Định, Lạng Sơn	12.1971	Binh Nhất, Chiến sỹ	Đoàn 335/CQK 16.7.1975
53	Trần Đại Tấn 29.10.1956 Mỹ Xá, Nam Định Khối 1A, Khu I, TP. Nam Định	4.1974	Hạ sĩ, Tiểu đội trưởng	Kho L858/CQK 18.6.1976
54	Phạm Tuyên 1936 Chu Diện, Lục Nam, Hà Bắc	02.1965	Đại úy, Chính trị viên Phó kho	K870/TK765 27.12.1976
55	Dương Văn Hiền 05.9.1956 Lạng Môn, Nguyên Bình, Cao Lạng	10.1974	Hạ sĩ, Chiến sĩ	K868/TK765 27.12.1976
56	Nguyễn Doãn Thìn	01.1972	Nhân viên thống	Kho K858

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	10.02.1952 Thanh Đồng, Thanh Chương, Nghệ Tĩnh		kê	01.11.1977
57	Lê Bá Đức 17.7.1958 Ông Đình, Khoái Châu, Hưng Yên	8.1976	Binh Nhất, Chiến sĩ bảo quản	Kho K858 01.11.1977
58	Trần Văn Minh 03.01.1959 Cao Thắng, Thanh Miện, Hải Dương	8.1976	Binh Nhất, Chiến sĩ bảo quản	Kho K858 01.11.1977
59	Phạm Công Tĩnh 14.12.1955 Trực Hưng, Nam Ninh, Hà Nam Ninh	9.1972	Tiểu đội trưởng Bảo quản	Kho K858 01.11.1977
60	Trần Đức Mạnh 10.5.1958 Quảng Châu, Ttieen Lữ, Hải Hưng	8.1976	Binh Nhất, Chiến sĩ bảo quản	Kho K858 01.11.1977
61	Phạm Xuân Hùng 25.9.1950 Yên Ninh, Ý Yên, Nam Định	6.1968	Thiếu úy QNCN, Lái xe	Cơ quan CQK 05.4.1979
62	Trần Văn Tiến *Chưa rõ năm sinh, quê quán*	Chưa rõ	Binh nhất, Tiểu đội phó, Tiểu đội Vận tải	Tổng kkho 767 05.11.1979
63	Lê Văn Mà 1948 Nam Hải, An Hải, Hải Phòng	12.1966	Đại úy, Chủ nhiệm kho	K834/TK762 23.9.1983
64	Nguyễn Xuân Thắng 1958 Nguyễn Chánh, Hà Đông, Hà Nội	10.1970	Thượng sĩ, Lái xe	Đội xe của Cục Hy sinh tại K834 23.9.1983
65	Đào Lệ Dung 1963 Đô Thành, Yên Thành, Nghệ An	02.1982	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
66	Nguyễn Hồng Quang 1945 Thanh Hải - Nam Thanh - Hải Dương Thanh Hải, Thanh Hà, Hải Dương	12/1972	Thiếu úy, Lái xe	Đoàn 60 Hy sinh tại K834 23.9.1983
67	Phan Văn Bàng 1963 Đô Thành, Yên Thành, Nghệ An	02.1982	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
68	Phạm Văn Phênh 1962 Liên Hồng, Gia Lộc, Hải Dương	02.1982	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
69	Nguyễn Tài Ngữ 1957 Thái Sơn, Đô Lương, Nghệ An	4.1981	Trung sĩ, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
70	Lê Văn Châu 1963 Châu Hạnh, Qùy Châu, Nghệ An	4.1981	Hạ sĩ, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
71	Đoàn Văn Sáng	02.1982	Binh Nhất, Chiến	K834/TK762

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	1963 Hồng Đức, Ninh Thanh, Hải Dương		sỹ	23.9.1983
72	Đồng Văn Qua 1964 Việt Hòa, TP Hải Dương	02.1982	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
73	Lê Thị Hoàn 1964 Quang Phục, Tiên Lãng, Hải Phòng	4.1981	Hạ sĩ, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
74	Vũ Ngọc Hiển 1964 Chi Nam, Ninh Thanh, Hải Dương	02.1982	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
75	Lê Đình Phượng 1963 Thanh Văn, Thanh Chương, Nghệ An	03.1983	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
76	Lê Văn Hùng 1962 Quảng Thọ, Quảng Xương, Thanh Hóa	9.1982	Binh Nhất, Chiến sỹ	K834/TK762 23.9.1983
77	Hoàng Viết Khao 1953 Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình	8.1981	Thiếu úy CN, Trạm trưởng Trạm BDSC	K834/TK762 23.9.1983
78	Quyền Đình Thắng 1963 Tổ 7, Đoàn Kết, Yên Bái	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
79	Nguyễn Hữu Hiện 1962 Đồng Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
80	Nguyễn Khắc Thanh 1963 Đoan Hạ, Đoan Hùng, Phú Thọ	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
81	Vũ Thị Kim Dung 1961 Đông Khê, Đoan Hùng, Phú Thọ	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
82	Đỗ Đình Lương 1962 Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
83	Chu Minh Tâm 1960 An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
84	Nguyễn Ngọc Lâm 1960 Minh Dân, Sông Lô, Phú Thọ	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
85	Nguyễn Đình Dương 1963 Hòa Phúc, Ứng Hòa, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
86	Nguyễn Thị Thao 1962 Sơn Dương, Lâm, Phú Thọ	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
87	Nguyễn Nhuận Thành	3.1981	CNVQP, Thợ sửa	K834/TK762

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	1961 Tân Bình, Yên Sơn, Tuyên Quang		chữa đạn	23.9.1983
88	Hà Văn Đàm 1961 Trực Khang, Trực Ninh, Nam Định	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
89	Nguyễn Ngọc Thạch 1963 Xuân Hồng, Xuân Thủy, Nam Định	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
90	Kiều Văn Thắng 1959 Ba Vì, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
91	Vũ Duy Dũng 1963 Ngô Quyền, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
92	Nguyễn Duy Tú 1963 An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
93	Nguyễn Thị Hương 1961 Hồng Phúc, Ninh Giang, Hải Dương	11.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
94	Trần Đình Liệu 1962 Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
95	Trần Đăng Ninh 1963 Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
96	Trần Dũng Anh 1962 Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	3.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
97	Nguyễn Thanh Bình 1962 Quảng Minh, Mê Linh, Hà Nội	11.1981	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	K834/TK762 23.9.1983
98	Lưu Công Sóng 12/02/1956 Phượng Hoàng, Nam Thanh, Hải Dương Tràng An, Đông Triều, Quảng Ninh	10.1974	Trung úy CN, Trợ lý Kỹ thuật	Kho KV4 04.12.1989
99	Vũ Huy Dân 26/12/1956 An Lâm, Nam Thanh, Hải Hưng	3.1974	CNVQP, Thợ sửa chữa đạn	Kho KV4 04.12.1989
100	Lê Dung *Chưa có năm sinh* Đức Lương, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Chưa có	Chưa có	K882/TK767 24.5.1995
101	Trương Xuân Trường 25/02/1977 Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	7.1996	Thiếu úy CN, Nhân viên Trạm BDSC	Kho K834 21.6.2003
102	Phạm Văn Luyện	02.2003	Binh Nhất, Chiến	K856/TK764

STT	HỌ VÀ TÊN-NĂM SINH QUÊ QUÁN -TRÚ QUÁN	THÁNG, NĂM NHẬP NGŨ, TÁI NGŨ	CẤP BẬC, CHỨC VỤ TRƯỚC LÚC HY SINH	ĐƠN VỊ NGÀY, THÁNG, NĂM HY SINH
	14.4.1984 Vũ Xá, Kim Động, Hưng Yên		sĩ	25.11.2004
103	Triệu Mạnh Cường 21.8.1968 Vân Nham, Hữu Lũng, Lạng Sơn	10.1990	Thiếu tá QNCN, Thợ sửa chữa đạn	Kho KV1/CQK 17.5.2015
104	Cao Xuân Hải 01.01.1971 Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An Phường Thủy Lương, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	9/1989	Trung tá QNCN, Nhân viên Phòng Cơ lý-Thuật phóng	Trung tâm Kiểm định đạn dược T265 22.11.2022